



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
HOÀNG HOÀ BÌNH - NGUYỄN THỊ LY KHA - LÊ HỮU TỈNH

Tiếng Việt

1

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
HOÀNG HOÀ BÌNH – NGUYỄN THỊ LY KHA – LÊ HỮU TỈNH

Tiếng Việt

*(Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông
tại Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019)*

1

TẬP MỘT

HỌC VẦN

(Tài bản lần thứ nhất, có chỉnh lý)

Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



Chào các em yêu quý!

Quyển sách Tiếng Việt 1 này là bạn của các em, sẽ cùng em đến lớp hàng ngày.

Sách giúp em học đọc, học viết và học nghe, nói tiếng Việt. Các câu chuyện, bài thơ, bài văn cùng những tranh ảnh sinh động trong sách còn giúp em làm quen với nhiều bạn nhỏ dễ thương và các nhân vật thân thiện như ông lão nhân hậu, con ong chăm chỉ, con thỏ thông minh,... Qua đó, các em sẽ học được nhiều điều bổ ích.

Mong các em chăm học, chăm làm theo hướng dẫn của sách, của thầy cô và người thân để đọc, viết, nghe, nói tiếng Việt ngày càng tốt hơn và biết thêm nhiều điều hay, làm được nhiều việc tốt.

Các em nhớ giữ sách sạch đẹp và đừng viết, vẽ vào sách nhé!

Các tác giả

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



CÂU HỎI, BÀI TẬP



MẪU VÀ VÍ DỤ



KỂ CHUYỆN

a
a

ă
ă

â
â

b
b

c
c

d
d

đ
đ

e
e

ê
ê

g
g

h
h

i
i

k
k

l
l

m
m

n
n

o
o

ô
ô

ơ
ơ

p
p

q
q

r
r

s
s

t
t

u
u

ư
ư

v
v

x
x

y
y



Em viết



Em đọc



Đồ dùng học tập



Em làm việc nhóm



Em nói



Em học ở nhà



Đồ dùng học tập



Em trải nghiệm



a

c

1. Làm quen



ca

2. Đánh vần

ca

c

a

cờ - a - ca

3. Nói to tiếng có âm **a**. Nói thầm tiếng không có âm **a**.



a



a

c

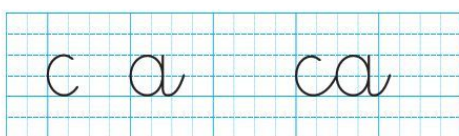
4. Tìm tiếng có âm **c**



5. Tìm chữ **a**, chữ **c**



6. Tập viết



A

C



cà cá

1. Làm quen



cà



cá

2. Đánh vần

cà

c **à**

cờ - a - ca - huyền - cà

cá

c **á**

cờ - a - ca - sắc - cá

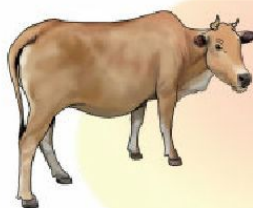
3. Đồ em: Tiếng nào có thanh **huyền**?



1



6



2



3

5



4



4. Tiếng nào có thanh **sắc**?



5. Tìm hình ứng với mỗi tiếng

cà

cá

ca



6. Tập viết





Bài 3

Hai con dê

LA PHÔNG-TEN

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Hai con dê muốn làm gì?



Trên cầu, hai con dê thế nào?



Đến giữa cầu, hai con dê làm gì?



Kết quả ra sao?



Chúng em là học sinh lớp Một

Nhạc và lời: PHẠM TUYỀN

Hơi nhanh – Tự hào

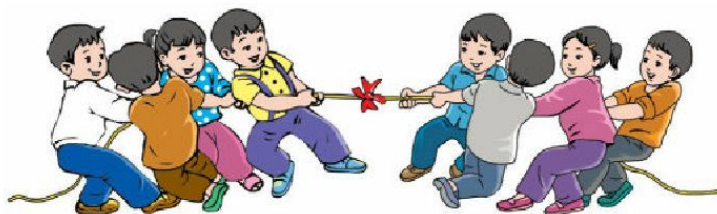
Chúng em là học sinh lớp Một. Nhanh nhanh
(Chúng em) là học sinh lớp Một. Tay không
trên đường bước tung tăng. Vui tươi như con chim hót trên
dây mực, sách không quăn. Vui chơi nhưng luôn luôn biết nghe
cảnh. Biết vâng lời học hành rất chăm. Mẹ cũng
lời. Viết chữ đẹp vở sạch trắng tinh. Cả lớp
yêu mà cô cũng yêu. Chúng em là học sinh lớp
em đều thương mến nhau. Chúng em là học sinh lớp
Một. Ở trường luôn điểm tốt, sang năm
Một. Học hành luôn cùng tiến, sang năm
được lên lớp Hai! Chúng em
cùng lên lớp Hai!



o

ô

1. Làm quen

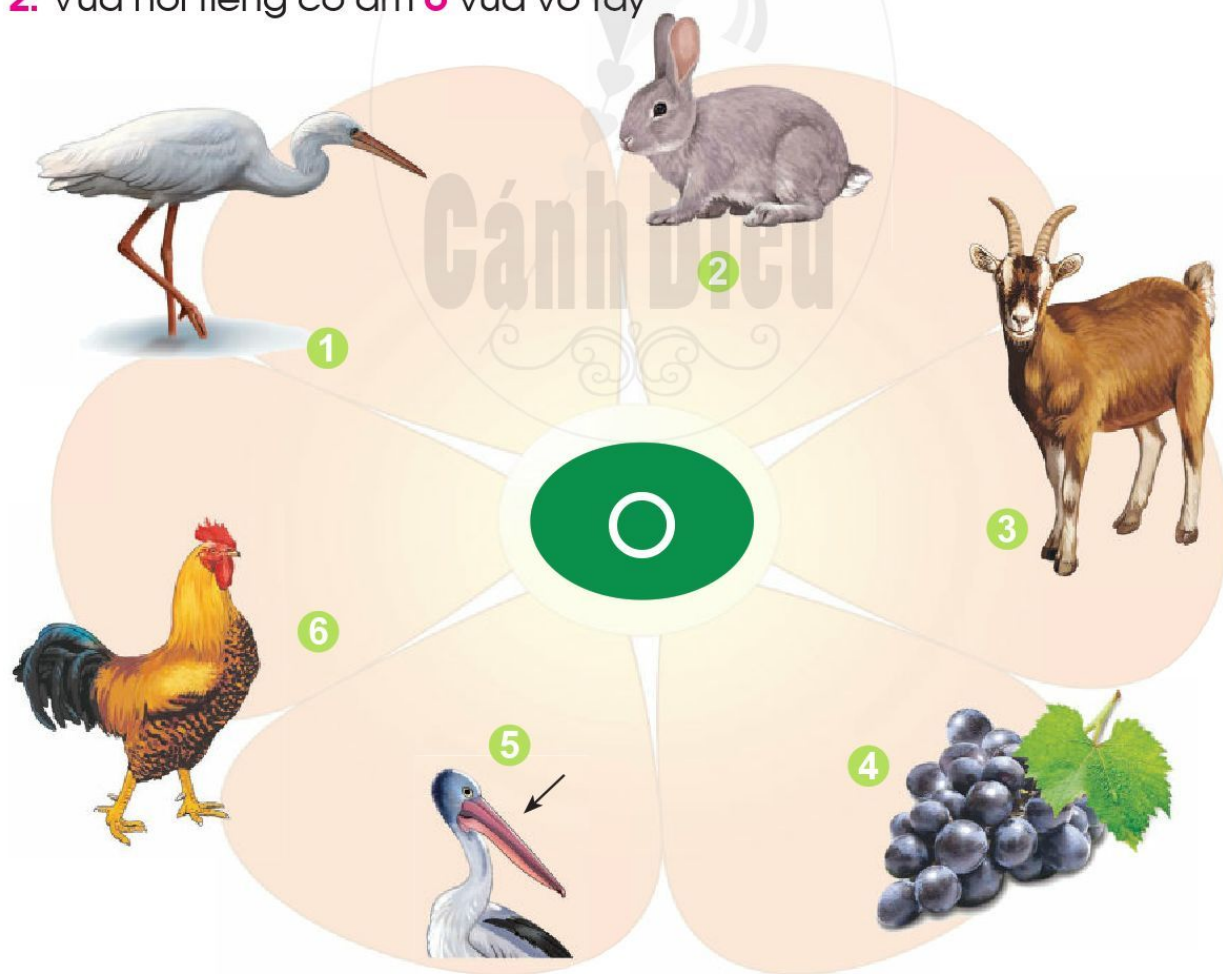


(kéo) **co**



cô

2. Vừa nói tiếng có âm o vừa vỗ tay



o

ô

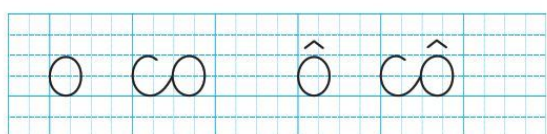
3. Tìm tiếng có âm ô



4. Tìm chữ o, chữ ô



5. Tập viết



o

ô



CỎ

CỌ

1. Làm quen

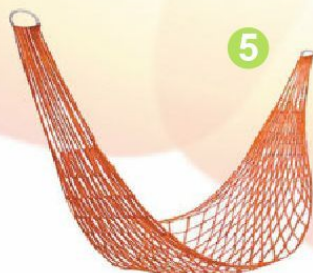
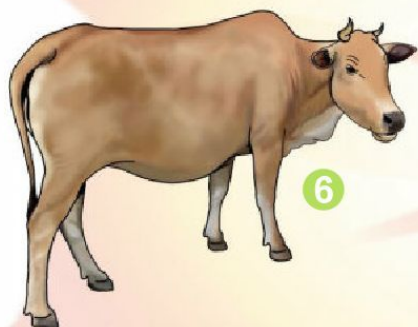


CỎ

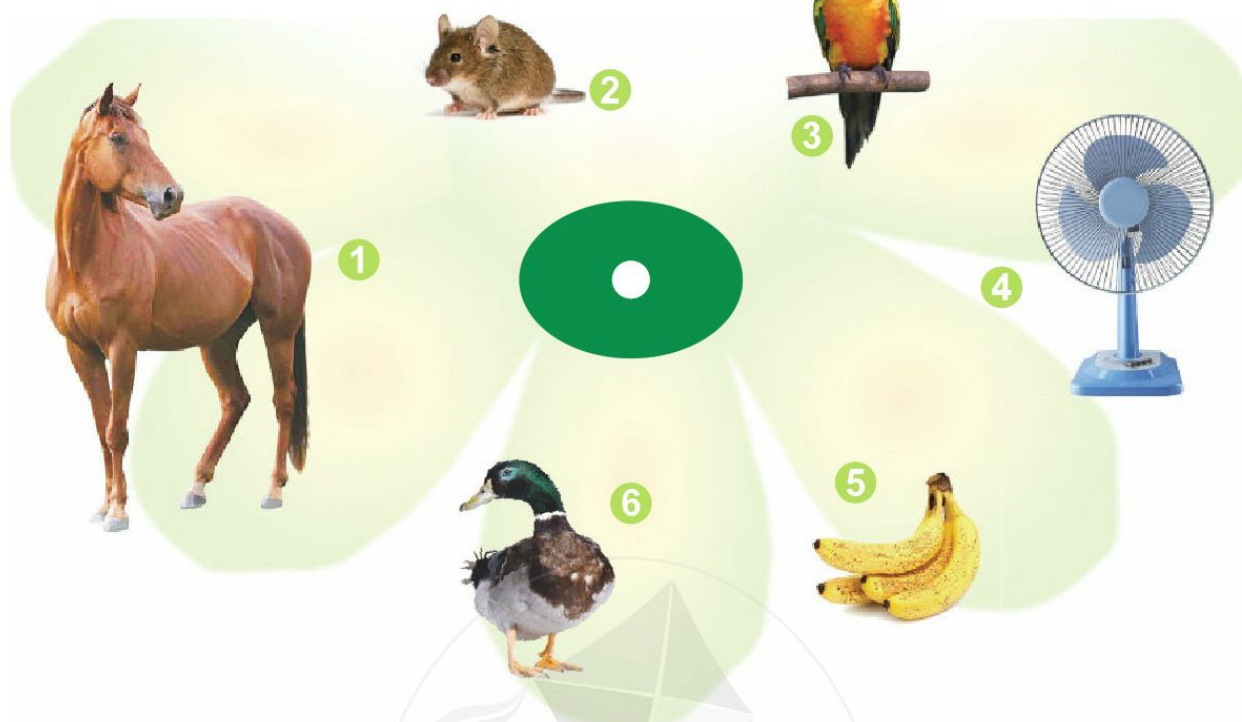


CỌ

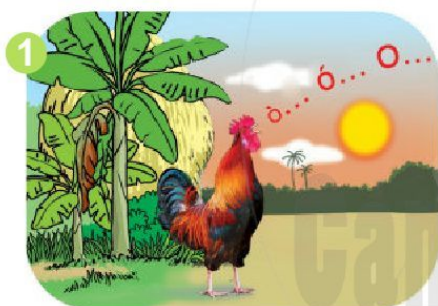
2. Đố em: Tiếng nào có thanh hỏi?



3. Tìm tiếng có thanh **nặng**



4. Tập đọc



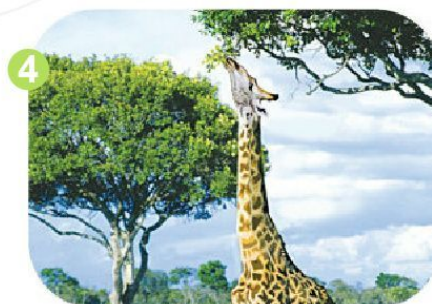
ò... ó... ồ...



cò



ô



cổ

5. Tập viết





ơ

d

1. Làm quen



cờ



da

2. Tiếng nào có âm ơ?



6



1



2



5



4



3



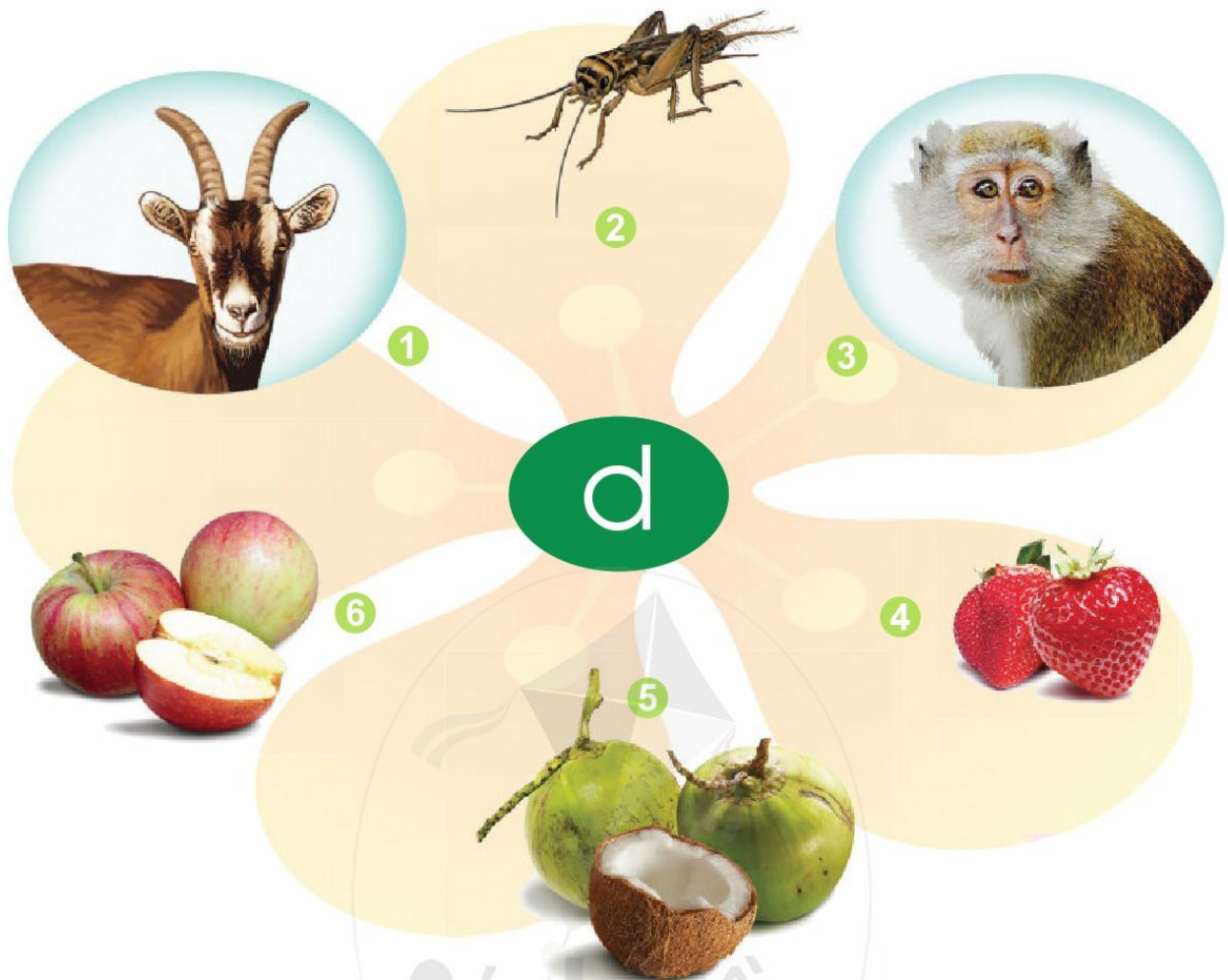
o

ô

ơ

d

3. Tìm tiếng có âm **d**



4. Tập đọc



cờ



cá cờ

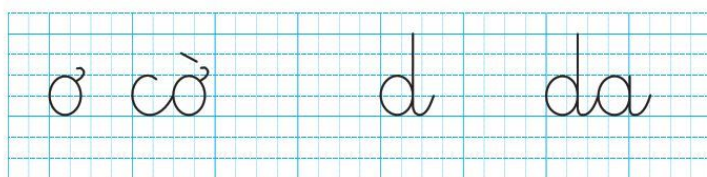


da cá



cổ cò

5. Tập viết



Ơ D



đ

e

1. Làm quen



đe

2. Tiếng nào có âm đ?



đ



o

ô

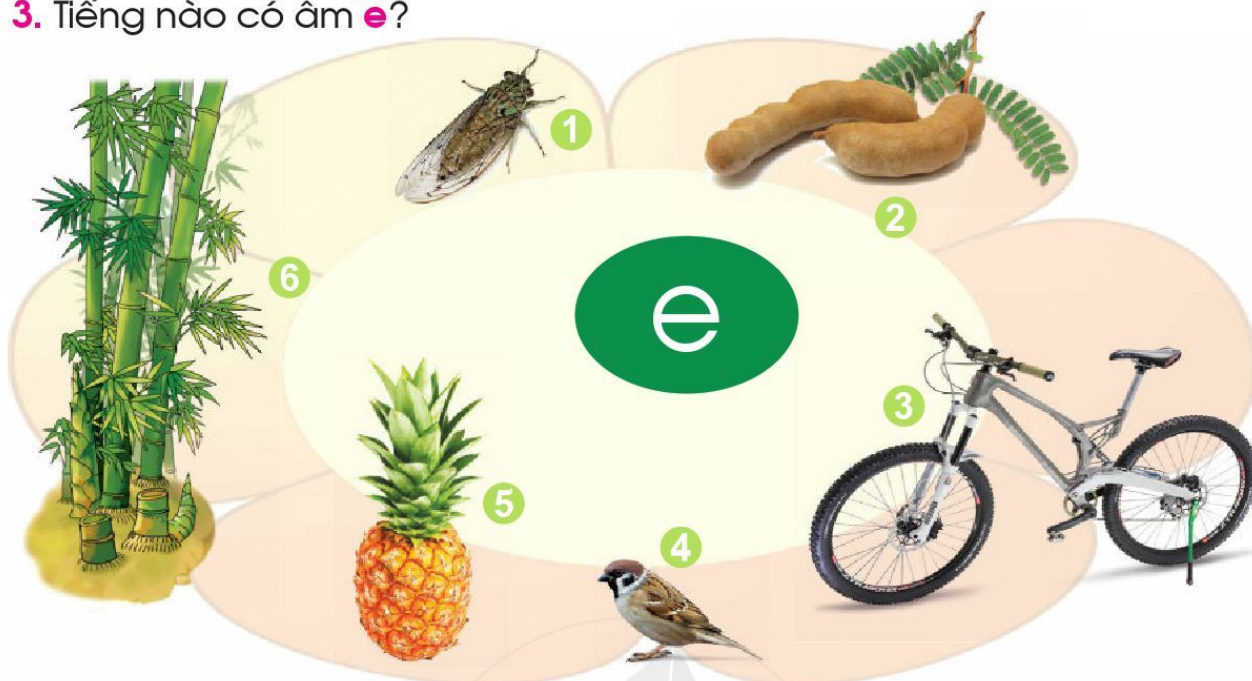
ơ

d

đ

e

3. Tiếng nào có âm e?



4. Tập đọc



đa



đò



đố

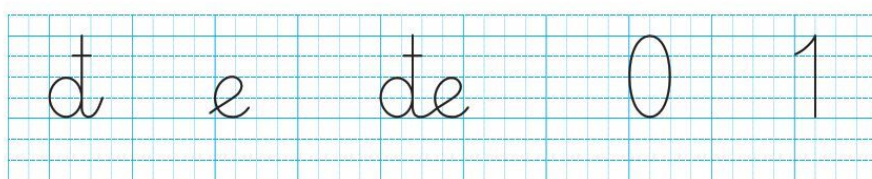


đổ



dẻ

5. Tập viết



Đ

E



Bài 8

Chồn con đi học

HÙNG LÂN

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

1



Vì sao chồn con không tới trường?

2



Vì sao các bạn không ai đi chơi với chồn con?

3



Chồn con bị lạc trong rừng, vì sao?

4



Vì sao chồn con không tìm được đường về?

5



Ai đã đưa chồn con về nhà?

6



Sau chuyện đó, chồn con thay đổi thế nào?



Bài 9

Ôn tập

1. a) Ghép các âm đã học thành tiếng

	a	o	ô	ơ	e
c	ca				
d					
đ					

b) Thêm các thanh đã học vào mỗi tiếng trên để tạo tiếng mới

 ca → cà, cá

2. Tập đọc

1



cờ đỏ

2



cố đô

3



đồ cổ

4



đà

3. Tìm từ ứng với hình

dẻ

đá

cọ

cờ



1



2



3



4

o ô ơ d đ e



ê

l

1. Làm quen



lê

2. Tiếng nào có âm ê? Tiếng nào có âm l?



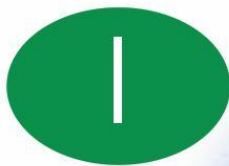
1



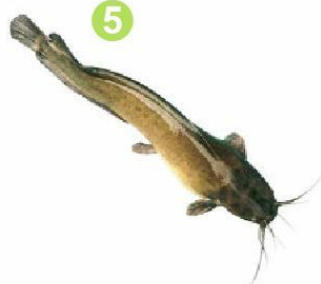
2



3



4



5



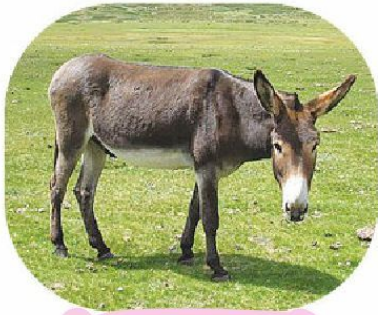
6

ê

l

3. Tập đọc

1



la

2



lá

3



lồ ô

4



le le

5



dế

6



dê

7



đê

8



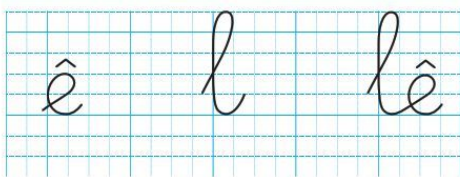
lọ

9



lê la

4. Tập viết



Ê

L

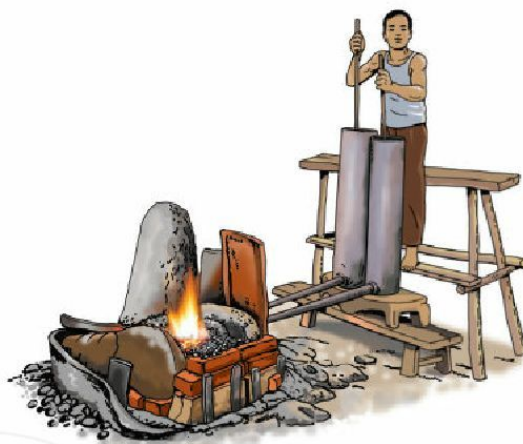


b bễ

1. Làm quen



bê



bễ

2. Tiếng nào có âm b?



b

ê

l

b

3. Tiếng nào có thanh **ngã**?



4. Tập đọc

Ở bờ đê



Dê la cà ở bờ đê.

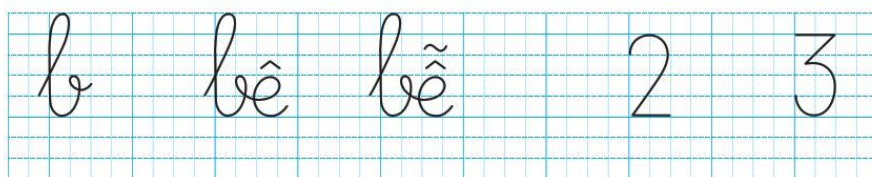


Bờ đê có dế.



Bờ đê có cả bê.

5. Tập viết





g

h

1. Làm quen



ga



hồ

2. Tiếng nào có âm **g**? Tiếng nào có âm **h**?



1



2



3



4



5



6

g

h

ê l b g h

3. Tập đọc

Bé Hà, bé Lê



– Bé Lê ho, bà ạ.



Bà bế bé Lê.



– A, ba!



Ba bế cả Hà, cả bé Lê.

4. Tập viết



G

H



i

ia

1. Làm quen



bi



bia

2. Tiếng nào có âm i? Tiếng nào có âm ia?



1



2



3

i

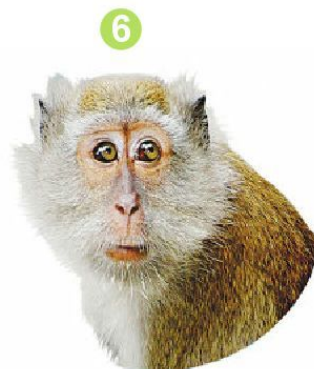
ia



4



5



6

ê l b g h i ia

3. Tập đọc

Bé Bi, bé Li

1



Bé Li bi bô:

– Bi, Bi.

2



– Bé ạ đi.

3



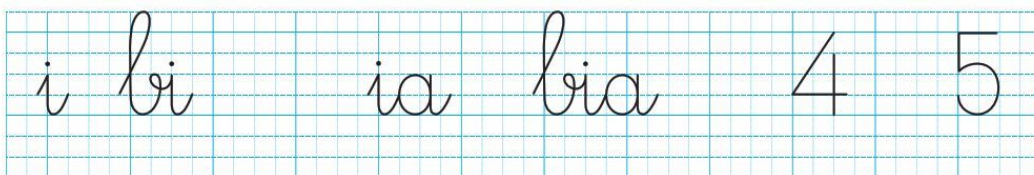
Bé ạ lia lia, bé bị ho.

4



Bi dỗ bé.

4. Tập viết





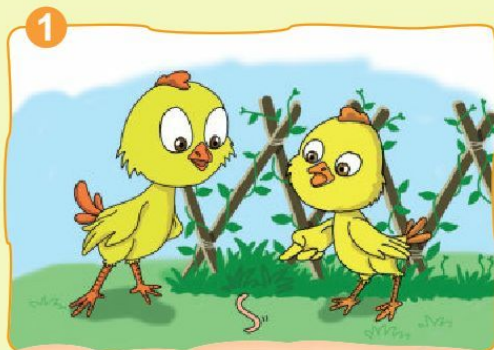
Bài 14

Hai chú gà con

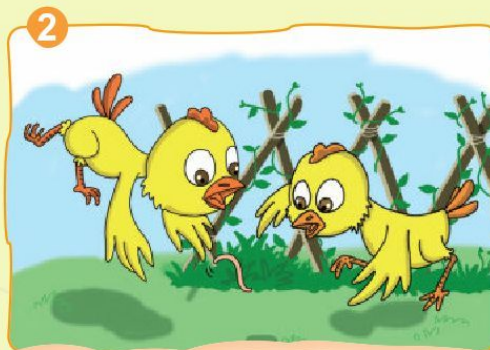
LÊ THỊ QUẾ

1. Nghe kể chuyện

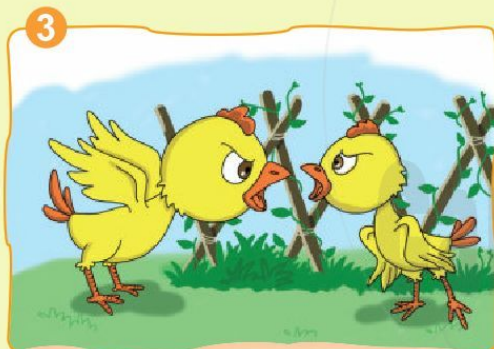
2. Trả lời câu hỏi



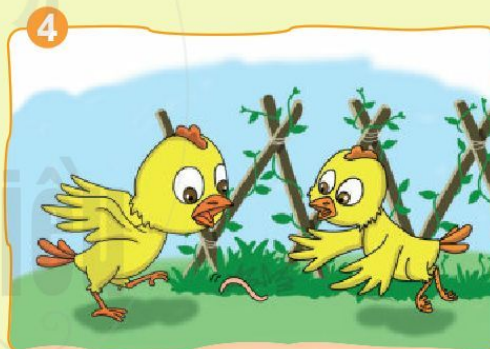
Ra vườn kiếm ăn, anh em gà con thấy gì?



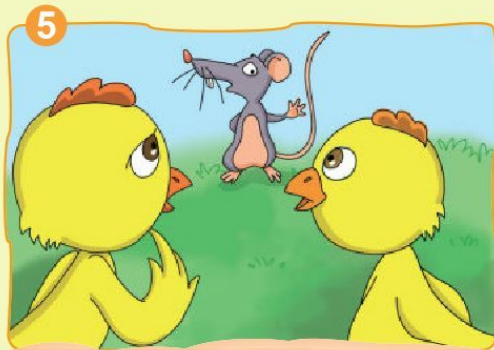
Đang đói bụng, hai chú gà làm gì?



Vì sao hai anh em gà cãi nhau?



Khi lại thấy con mồi, anh em gà làm gì?



Chuột xuất hiện và nói điều gì?



Vì sao hai anh em gà ân hận, xấu hổ?



Bài 15

Ôn tập

1. Ghép các âm đã học thành tiếng

	a	o	ô	ơ	e	ê	i	ia
l	la							
b								
h								
g								

2. Tập đọc

Bể cá

Ba Hà để bể cá ở hè.
 Bể có cá, có cò, le le.
 Cò ở bể là cò đá. Le le là
 le le gỗ.



3. Tìm từ ứng với hình

bí

lê

hổ

gà

đĩa



ê l b g h i ia



gh

1. Làm quen

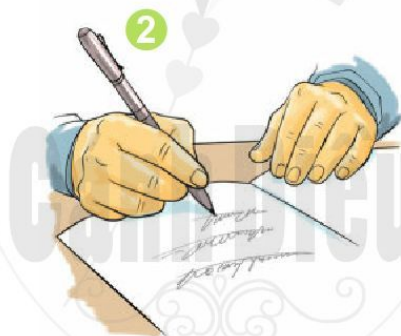
ghế gỗ



2. Tiếng nào có chữ **g**? Tiếng nào có chữ **gh**?



gà gô



ghi



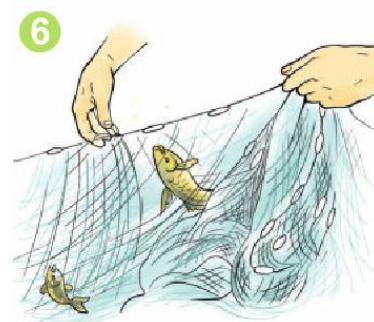
gõ



gỗ



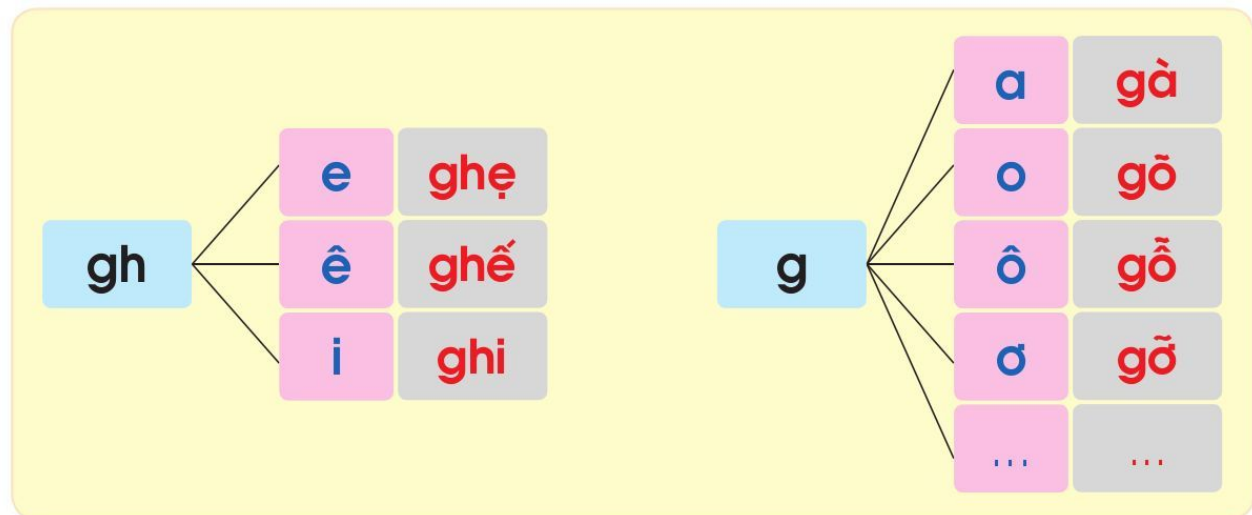
ghẹ



gỡ cá

gh

3. Ghi nhớ



4. Tập đọc



5. Tập viết





gi

k

1. Làm quen

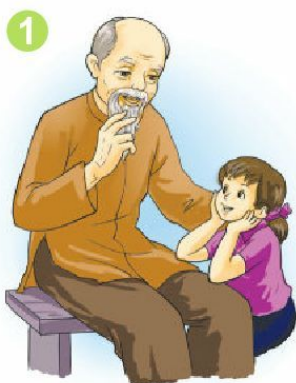


giá đỗ



kì đà

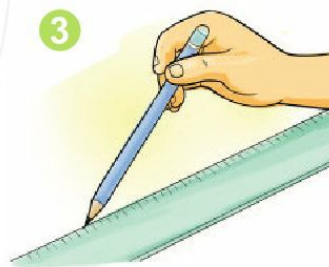
2. Tiếng nào có chữ **gi**? Tiếng nào có chữ **k**?



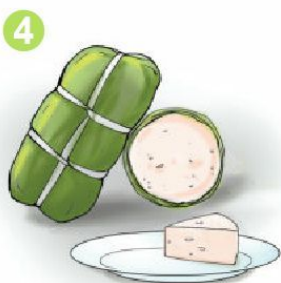
kể



giẻ



kẻ



giò



bờ kè



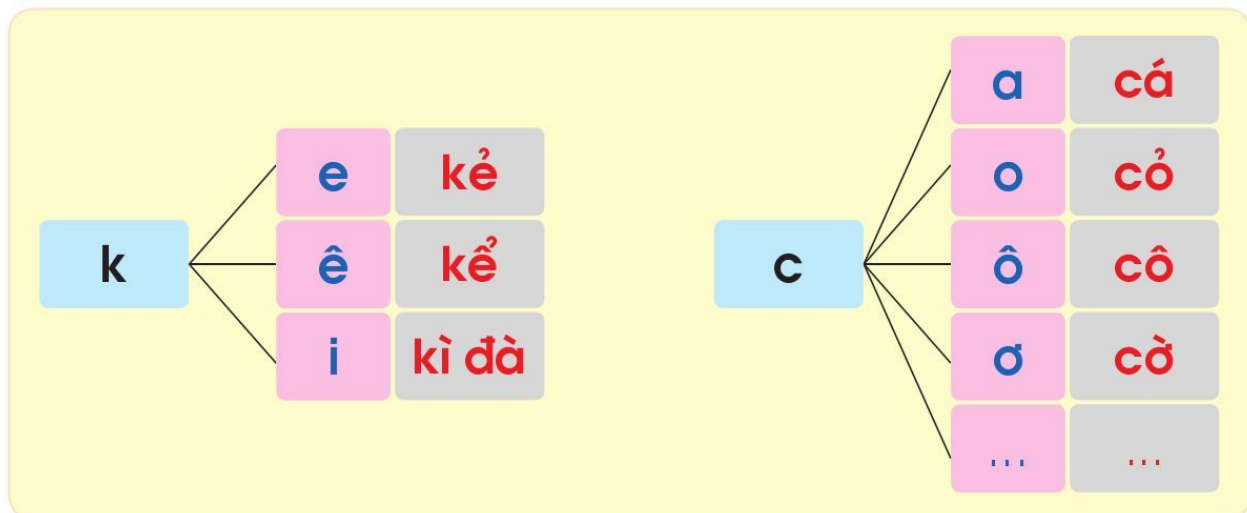
giỏ cá

gh

gi

k

3. Ghi nhớ



4. Tập đọc

Bé kể

Bà bế bé Lê. Bé bi bô: “Dì... giò...”. Đó là bé kể:
Dì Kể giã giò.

Cổ có giò, có gà, có cả giá đỗ.



5. Tập viết

gi giá đỗ k kì đà

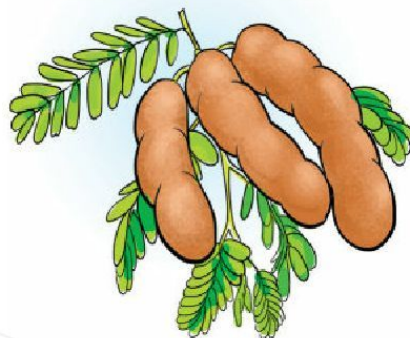


kh m

1. Làm quen



khế



me

2. Tiếng nào có âm kh? Tiếng nào có âm m?

1



mẹ

2



mỏ

3



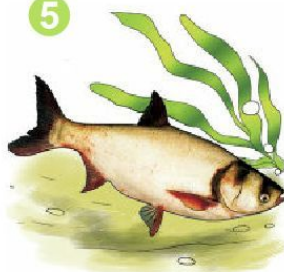
khe đá

4



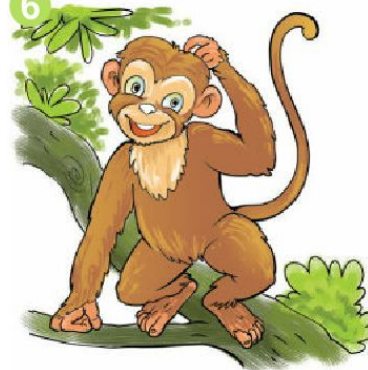
cá kho

5



cá mè

6



khỉ

gh

gi

k

kh

m

3. Tập đọc

Đố bé



4. Tập viết

kh khế m me



n nh

1. Làm quen



nơ

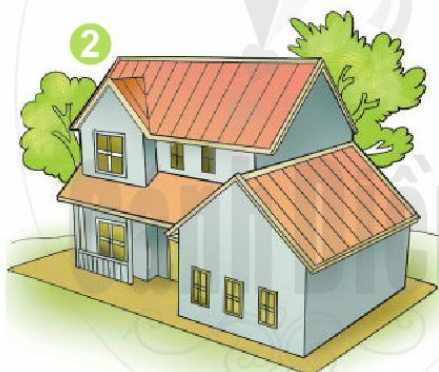


nhô

2. Tiếng nào có âm n? Tiếng nào có âm nh?



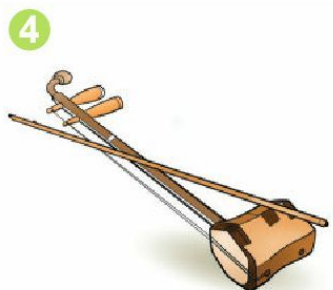
na



nhà



nhổ cỏ



nhị



ca nô



nỏ

gh

gi

k

kh

m

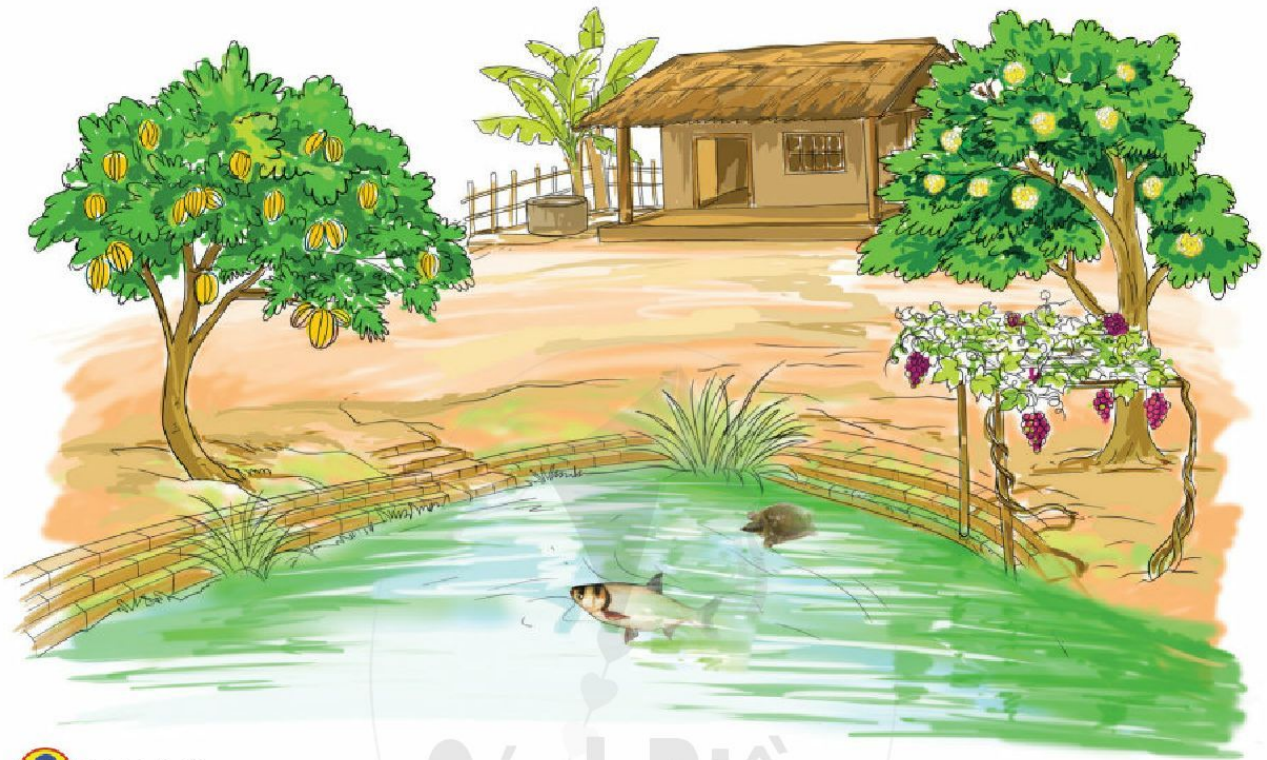
n

nh

3. Tập đọc

Nhà cô Nhã

Nhà cô Nhã ở bờ hồ. Hồ nhỏ, nhà nho nhỏ. Hồ có cá mè, ba ba. Nhà có na, nho, khế.



? Nói tiếp

Cánh Diều

a) Hồ có...



b) Nhà có...



4. Tập viết

n nơ nh nho 8 9

N



1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Trong rừng có hai bạn rất thân nhau. Đó là ai?



Vào đêm nọ, thời tiết trong rừng thế nào?



Sáng sớm thức dậy, sóc nâu nghĩ gì, làm gì?



Sóc nâu làm gì khi nhặt được một giỏ quả thông?



Sóc nâu thấy gì khi trở về nhà?



Hai bạn gặp lại nhau thế nào?



Bài 21

Ôn tập

1. Ghép các âm đã học thành tiếng

	a	o	ô	ơ	e	ê	i	ia
c	ca							
k								kia
g								
gh								

2. Tập đọc

Bì ở nhà

Nhà có giỗ. Mẹ nhờ Bì đỡ bé Li.
Bé nhè. Bì bế bé. Bé lơ mơ. Bì đi
nhè nhẹ. Đỡ bé khó ghê cơ!



3. Em chọn chữ nào?

c

?

k

g

?

gh



Bé ể.



Cò mò á.



Nhà có ế ỗ.

gh

gi

k

kh

m

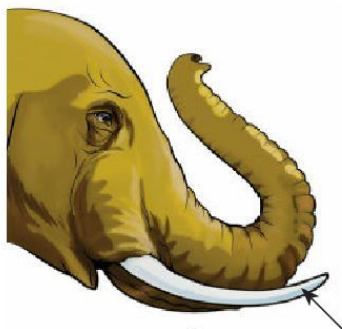
n

nh



ng ngh

1. Làm quen



ngà



nghé

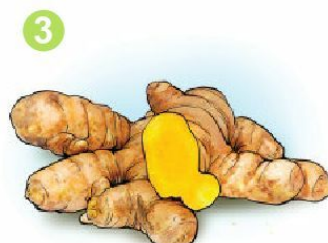
2. Tiếng nào có chữ **ng**? Tiếng nào có chữ **ngh**?



bí ngô



ngõ nhỏ



nghệ



ngã



nhà nghỉ

ng ngh

3. Ghi nhớ



4. Tập đọc

Bi nghỉ hè

Nghỉ hè, Bi ở nhà bà.

Nhà bà có gà, có nghe. Ổ gà be bé. Gà có ngô.
Nhà nghe nhỏ nhỏ. Nghe có cỏ, có mía.



? Ghép đúng

a) Nghỉ hè,

1) có gà, có nghe.

b) Nhà bà

2) Bi ở nhà bà.

5. Tập viết

ng ngà ngh nghe



p ph

1. Làm quen



pi a nô



phố cổ

2. Tiếng nào có âm p? Tiếng nào có âm ph?

1



pa nô

2



phà

3



phở bò

4



phi

5



cà phê

ng ngh p ph

3. Tập đọc

Nhà dì

Nhà dì Nga có pi a nô.

Cả nhà Bi đi phố, ghé nhà dì, nghe pi a nô.

Dì Nga pha cà phê. Bố mẹ có cà phê. Bi có phở.
Bé Li có na.



? Ghép đúng

a) Nhà dì Nga

1) đi phố, ghé nhà dì.

b) Cả nhà Bi

2) có pi a nô.

4. Tập viết

pi a nô phố cổ



qu r

1. Làm quen

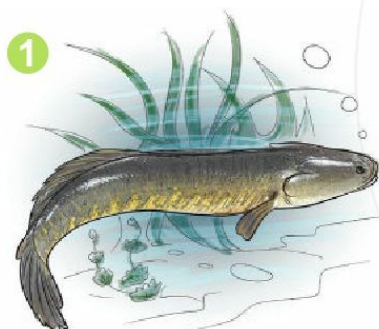


quả lê



rổ cá

2. Tiếng nào có âm qu? Tiếng nào có âm r?



cá quả



rá



quế



quạ



rễ



gà ri

ng ngh p ph qu r

3. Tập đọc

Quà quê

Quê có bà ở quê. Khi bà ra phố, cả nhà có quà.
Quà là rổ khế, rổ mơ, cá rô, cá quả. Có khi là cô gà ri.



? Bà cho nhà Quế quà gì?



4. Tập viết

qu quả lê r rổ cá

Q R



S

X

1. Làm quen



sẻ



xe ca

2. Tiếng nào có âm s? Tiếng nào có âm x?



sổ



xô



si

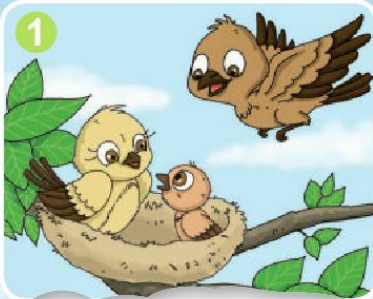


xẻ gỗ

ng ngh p ph qu r s x

3. Tập đọc

Sẻ, quạ



Nhà sẻ có
sẻ bé.



Sẻ ca “ri... ri...”.



Phía xa là
nhà quạ.



Quạ la “quạ...
quạ...”.



Sẻ bé sợ
quạ.



Sẻ bố dỗ: “Sẻ ca
ri ri. Quạ la quạ
quạ. Bé sợ gì!”.

? Ghép hình với chữ

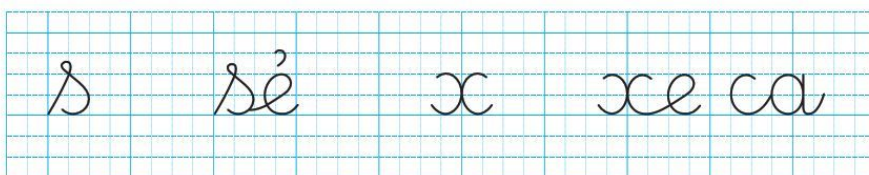


“quạ... quạ...”

“ri... ri...”



4. Tập viết



S X



Bài 26

Kiến và bồ câu

LÉP TÔN-XTÔI

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Chuyện gì xảy ra khi kiến xuống suối uống nước?



Nhờ đâu kiến thoát chết?



Bác thợ săn làm gì khi nhìn thấy bồ câu?



Kiến đã cứu bồ câu như thế nào?



Bài 27

Ôn tập

1. Tập đọc

Ở nhà bà

Bi có bà ở quê. Nghỉ hè, Bi ở nhà bà.

Xa nhà, Bi nhớ bố mẹ. Giá bà ra phố ở nhà Bi, Bi đỡ nhớ bà, nhớ bố mẹ.



2. Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh**?



ngó



ỉ



ã

3. Tập chép

Ra phố, bé nhớ bà ở quê.

ng ngh p ph qu r s x



t

th

1. Làm quen



tổ



thỏ

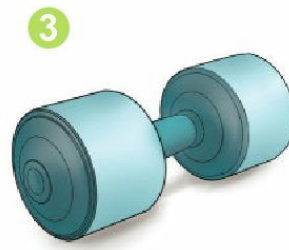
2. Tiếng nào có âm t? Tiếng nào có âm th?



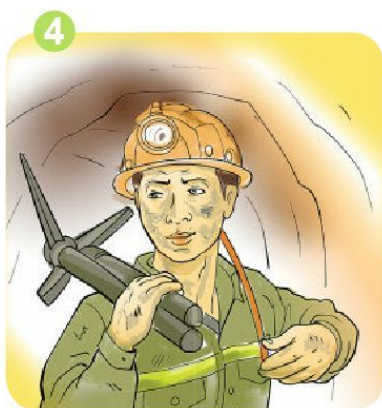
tô mì



thả cá



tạ



thợ mỏ



quả thị

t

th

3. Tập đọc

Nhớ bố

Bố Thơ là thợ mỏ. Bố ở xa nhà. Ở nhà có mẹ, có Thơ, có bé Tộ. Cả nhà nhớ bố.



? Ghép đúng

a) Bố Thơ

1) nhớ bố.

b) Cả nhà

2) ở xa nhà.

4. Tập viết





tr ch

1. Làm quen



tre



chó

2. Tiếng nào có âm tr? Tiếng nào có âm ch?

1



trà

2



chõ

3



chị

4



trê

5



trĩ

6



chỉ

tr

ch

t th tr ch

3. Tập đọc

Đi nhà trẻ

Chị Trà cho bé Chi đi nhà trẻ. Qua chợ, chị chỉ cho bé cá trê, cá mè,...

Ở nhà trẻ, Chi nhớ mẹ. Chị Trà dỗ: “Bé nhè thì cô chê đó.”. Bé nghe chị.



? Ghép hình với chữ

1



nhớ mẹ

dỗ bé Chi

2



4. Tập viết

tr tre ch chó



u

ư

1. Làm quen



tủ



sư tử

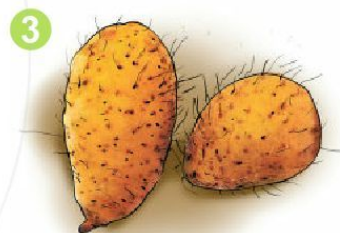
2. Tiếng nào có âm u? Tiếng nào có âm ư?



đu đủ



cá thu



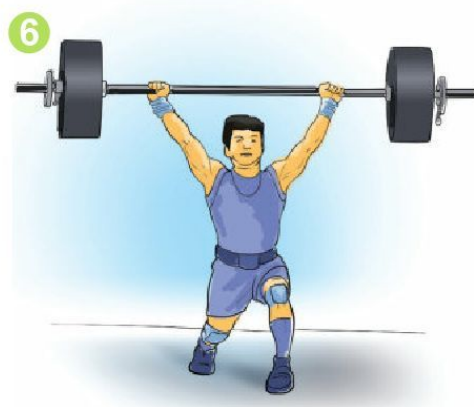
củ từ



cú



lá thư



củ tạ

t th tr ch u ư

3. Tập đọc

Chó xù

Chó xù lù lù đi ra ngõ. Lũ gà ngõ nó là sư tử, sợ quá.

Sư tử đi qua. Nó ngó chó xù:

– Mi mà là sư tử à?

Chó xù sợ quá:

– Dạ... chỉ là chó xù ạ.

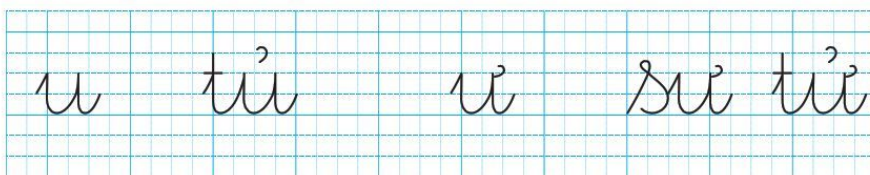


? Ý nào đúng?

a) Lũ gà ngõ chó xù là sư tử.

b) Sư tử ngõ chó xù là sư tử.

4. Tập viết

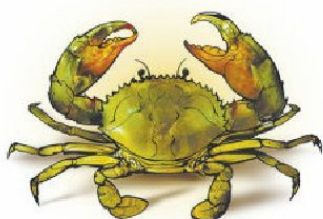


U U



ua ư

1. Làm quen



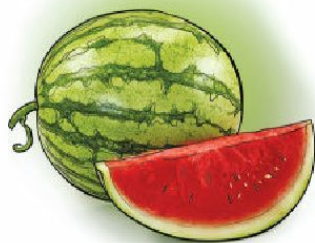
cua



ngư

2. Tiếng nào có âm **ua**? Tiếng nào có âm **ư**?

1



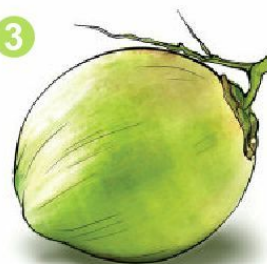
quả dưa

2



rùa

3



quả dừa

4



cà chua

5



đũa

6

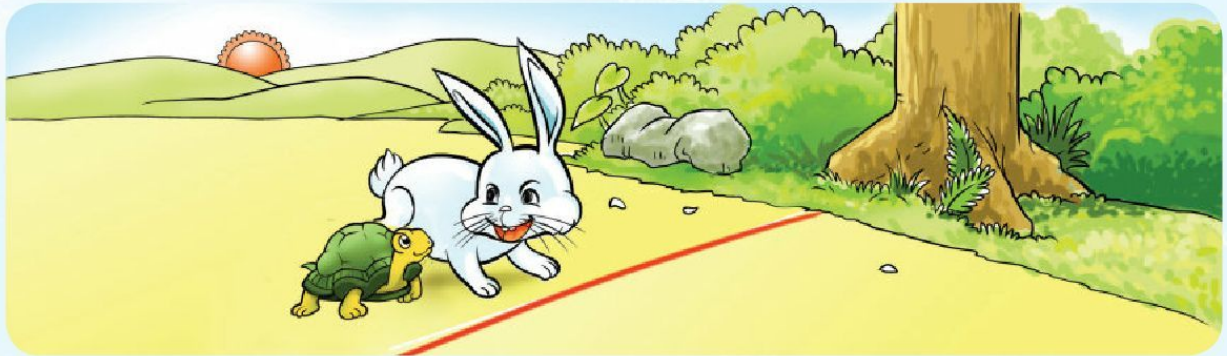


sữa

t th tr ch u ư ua ư

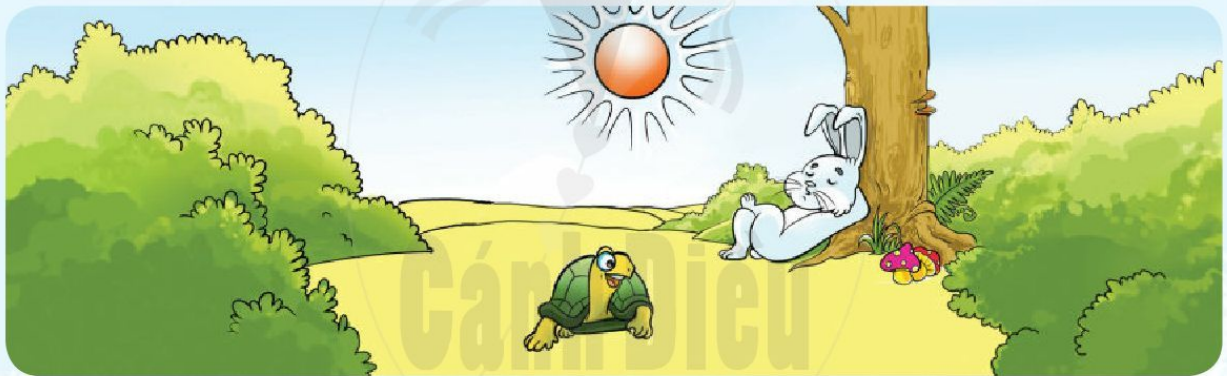
3. Tập đọc

Thỏ thua rùa (1)



Bữa đó, thỏ ra bờ hồ. Xa xa có chú rùa. Thỏ đùa, rủ rùa thi đi bộ. Rùa chẳng sợ: “Thì thì thì!”.

Thỏ nghĩ: “Cứ để rùa bò. Ta phi như gió. Sợ gì!”.



Theo Truyện ngụ ngôn Ê-dốp

? Ghép đúng

a) Thỏ

1) chẳng sợ thì.

b) Rùa

2) rủ rùa thi đi bộ.

4. Tập viết





Bài 32

Đê con nghe lời mẹ

Truyện cổ Grim

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



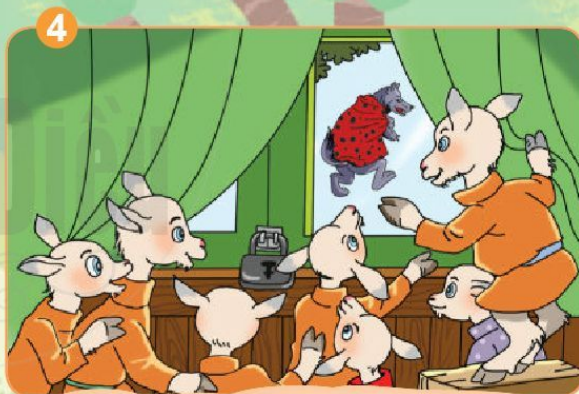
Trước khi đi, dê mẹ dặn các con điều gì?



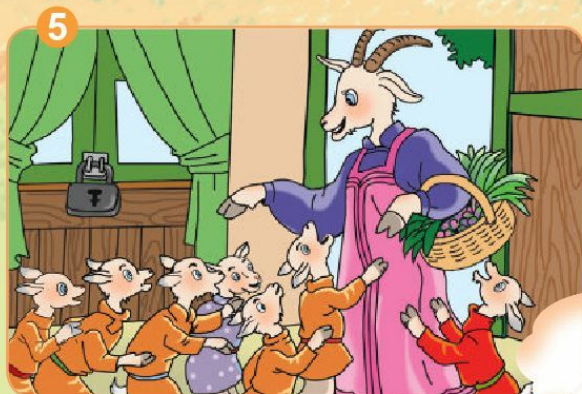
Sói làm gì khi dê mẹ vừa ra khỏi nhà?



Vì sao bây giờ dê con không mở cửa, đồng thanh đuổi sói đi?



Thấy vậy, sói làm gì?



Đê mẹ về nhà khen các con thế nào?



Bài 33

Ôn tập

1. Tập đọc

Thỏ thua rùa (2)



Thỏ nghĩ rùa sẽ thua. Nó la cà chỗ nọ, chỗ kia.

Rùa tự nhủ: “Ta sẽ cố.”.

Giữa trưa, rùa đã bỏ xa thỏ. Thỏ thua rùa.

Theo Truyện ngụ ngôn Ê-dốp

? Sắp xếp các ý theo đúng nội dung truyện

1

Thỏ rủ rùa thi đi bộ.



Thỏ thua rùa.



Thỏ la cà, rùa cố bò.

2. Tập chép

Thỏ la cà chỗ nọ, chỗ kia.

t th tr ch u ư ua ưa



v

y

1. Làm quen



ve



y tá

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình

1



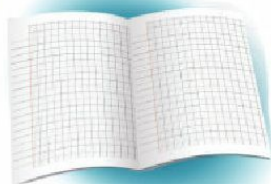
về

2



võ

3



ví

4



vở

5



y tế xã

v

y

3. Tập đọc

Dì Tư

Dì Tư là y tá. Trưa qua, dì ra y tế xã. Khi về, dì ghé nhà Hà. Dì chỉ cho Hà vẽ. Hà vẽ lá, vẽ ve. Hà vẽ cả bé Lê.



? Ghép đúng

a) Dì Tư

1) vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.

b) Hà

2) chỉ cho Hà vẽ.

4. Tập viết



V

Y



Bài 35

Chữ hoa

1. Tìm chữ hoa trong câu
Dì Tư là y tá.

2. Ghi nhớ

- Chữ đứng đầu tên bài, đứng đầu câu phải viết hoa.
- Tên riêng phải viết hoa.

3. Tập đọc

Chia quà

Má ở thị xã về. Má có quà cho cả nhà. Bà có nho.
Ba có trà. Hà có mía. Bé Lê có sữa.
Ơ, quà của má là gì nhỉ?
À, má đã có bé Lê, có Hà là quà quý.



4. Tìm trong bài đọc

- Những chữ hoa đứng đầu tên bài, đứng đầu câu.
- Những chữ hoa ghi tên riêng.

Chữ thường – chữ hoa

Chữ in

a	A	m	M
ă	Ă	n	N
â	Â	o	O
b	B	ô	Ô
c	C	ơ	Ơ
d	D	p	P
đ	Đ	q	Q
e	E	r	R
ê	Ê	s	S
g	G	t	T
h	H	u	U
i	I	ư	Ư
k	K	v	V
l	L	x	X
		y	Y

Chữ viết

a	A	m	M
ă	Ă	n	N
â	Â	o	O
b	B	ô	Ô
c	C	ơ	Ơ
d	D	p	P
đ	Đ	q	Q
e	E	r	R
ê	Ê	s	S
g	G	t	T
h	H	u	U
i	I	ư	Ư
k	K	v	V
l	L	x	X
		y	Y



am ap

1. Làm quen



quả **cam**



xe đ**ạp**

2. Đánh vần



a - mờ - am



a - pờ - ap

3. Tiếng nào có vần **am**? Tiếng nào có vần **ap**?

1



khá**m**

2



Thá**p** Rù**a**

3



quả trá**m**

4



vạ**m** vớ

5



mú**a** sạ**p**

6



sá**p** nẻ

v y am ap

4. Tập đọc

BỜ HỒ

Bố mẹ cho Giáp và bé Lam đi phố cổ. Cả nhà đi bộ ra Bờ Hồ. Gió hồ nhè nhẹ. Bố chỉ cho cả nhà Tháp Rùa ở giữa hồ.



? Nói tiếp để hoàn thành câu

a) Cả nhà đi bộ...

b) Bố chỉ cho cả nhà...

5. Tập viết

am quả cam ạp xe đạp



ăm ăp

1. Làm quen



chăm chỉ



cặp da

2. Tìm tiếng có vần ăm, tiếng có vần ăp

1



thắp

2



bắp ngô

3



tằm

4



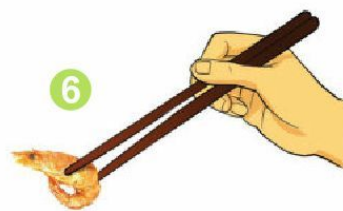
tắm

5



nằm

6



gắp

v y am ap ăm ăp

3. Tập đọc

Chăm bà

Bà bị cảm. Cả nhà lo lắng. Mẹ đi khắp chợ mua lá để chữa cảm. Ở nhà, bố và Thắm pha sữa cho bà. Có cả nhà chăm, bà đã đỡ.



? Ghép đúng

a) Mẹ

1) bà đã đỡ.

b) Bố và Thắm

2) đi mua lá để chữa cảm.

c) Có cả nhà chăm,

3) pha sữa cho bà.

4. Tập viết

ăm chăm chỉ ập cập da



Bài 38

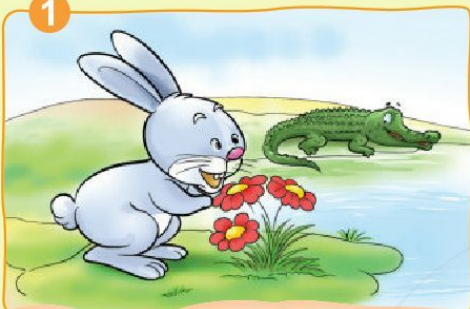
Chú thỏ thông minh

VŨ TÚ NAM

1. Nghe kể chuyện

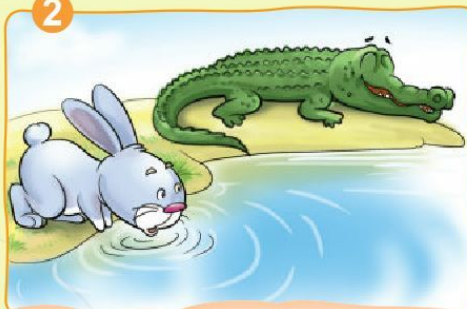
2. Trả lời câu hỏi

1



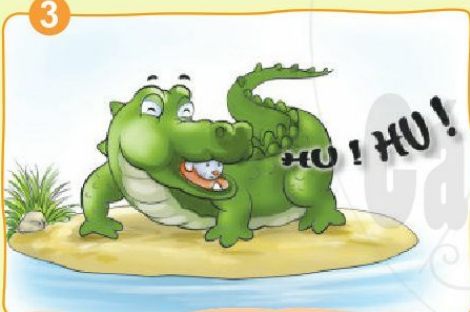
Thỏ con đến bờ sông làm gì?
Nó thấy cá sấu khi nào?

2



Vì sao thỏ nhìn thấy cá sấu
mà vẫn đi xuống mép nước?
Cá sấu bất ngờ làm gì?

3



Trước khi nuốt mồi, cá sấu
làm gì để dọa thỏ?

4



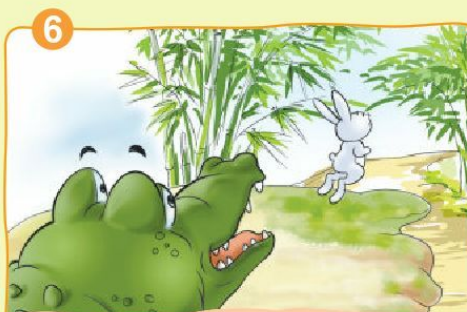
Thỏ đã nghĩ ra mẹo gì để
thoát thân?

5



Nghe lời thỏ, cá sấu đã
làm gì?

6



Khi cá sấu kêu, thỏ con
làm gì?



Bài 39

Ôn tập

1. Tập đọc

Cô bé chăm chỉ

Bé Chi chăm chỉ lắm. Bé đi khắp nhà. Khi thì bé mở vở của chị, ê a. Khi thì bé đi xe đạp. Khi thì bé khám cho chó Lu. Lu “gừ gừ” có vẻ thú vị lắm.



2. Tìm trong bài đọc:

a) 1 tiếng có vần **am**

b) 1 tiếng có vần **ap**

c) 2 tiếng có vần **ăm**

d) 1 tiếng có vần **ăp**

3. Tập chép

Bé chăm chỉ, đi khắp nhà.

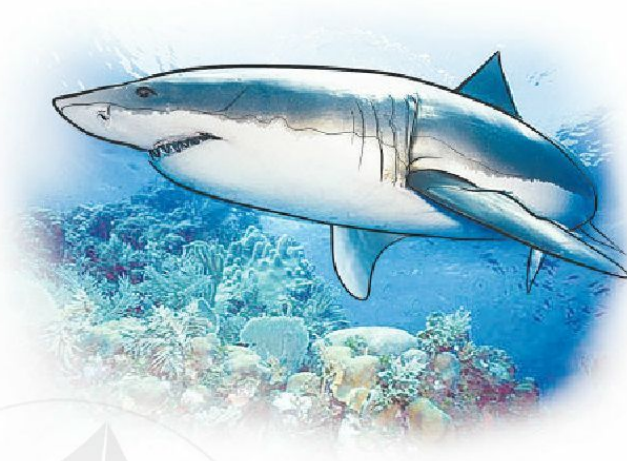


âm âp

1. Làm quen



củ sâm



cá mập

2. Tiếng nào có vần âm? Tiếng nào có vần âp?



nấm



mầm



tập múa



sâm cầm

3. Ghép đúng

a) đầm

b) đập

c) tấp

1) nập

2) cá

3) lúa

âm âp

4. Tập đọc

Bé Lê

Bé Lê mê ti vi. Ti vi có sấm cầm. Bé chỉ: “Cò... cò...”.
Ti vi có cá mập. Bé la: “Sợ!”. Má bế bé, vỗ về: “Cá
mập ở ti vi mà.”. Má ấm quá, bé chẳng sợ nữa.



? Những ý nào đúng?

- a) Bé Lê chẳng mê ti vi.
- b) Bé Lê sợ cá mập.
- c) Có má, bé Lê chẳng sợ nữa.

5. Tập viết

âm củ sấm ập cá mập

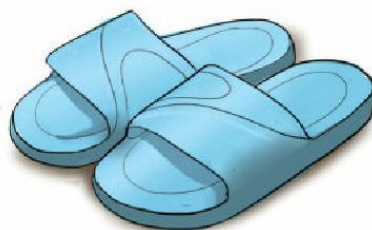


em ep

1. Làm quen



kem



dép

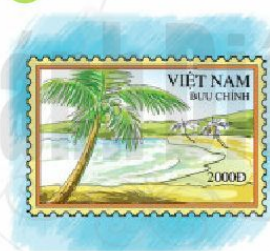
2. Tiếng nào có vần em? Tiếng nào có vần ep?

1



lễ phép

2



tem thư

3



cá chép

4



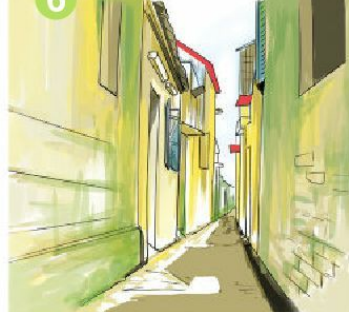
xem ti vi

5



rèm

6



ngõ hẹp

âm

âp

em

ep

3. Tập đọc

Thi vẽ

Cá chép và gà nhí thi vẽ.

Cá chép vẽ nó làm vua. Gà nhí vẽ gà mẹ chăm lữ gà em.

Cô cò, chú trắm chấm thi. Họ cho là gà nhí vẽ vừa đẹp vừa có ý nghĩa.



? 1) Em đoán xem: Ai thắng trong cuộc thi?



?



2) Vì sao em nghĩ là bạn đó thắng?

4. Tập viết

em kem ẹp đẹp



êm êp

1. Làm quen

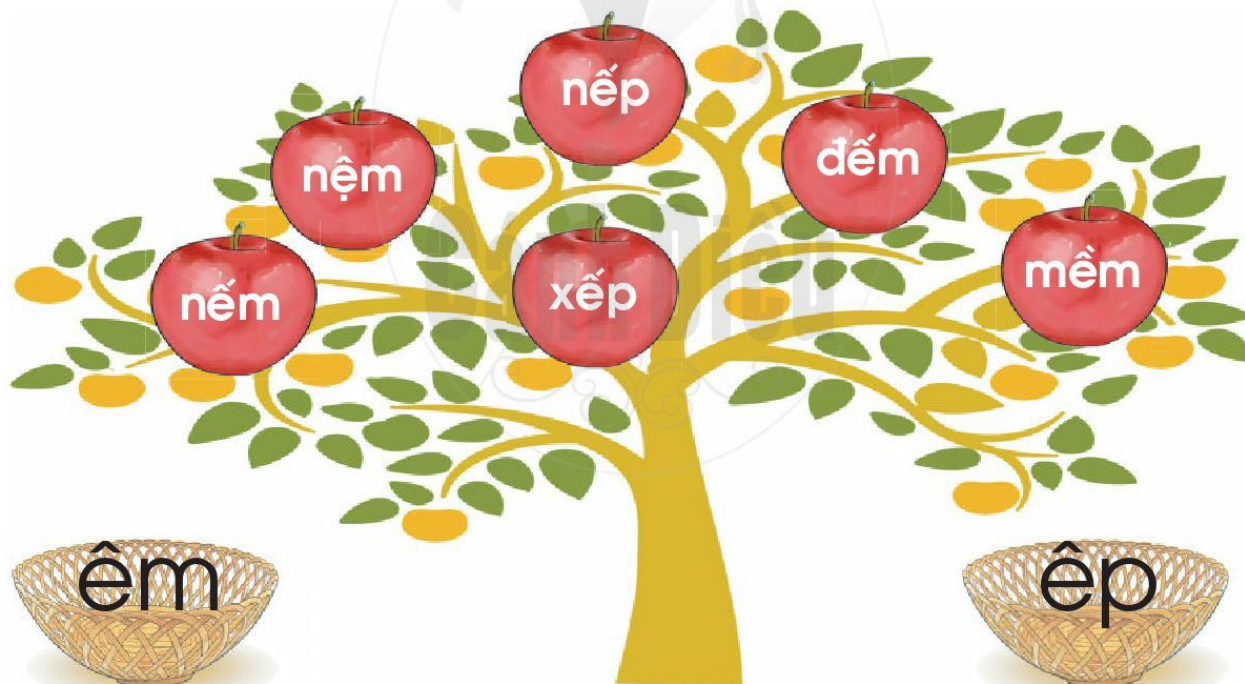


đêm



bếp lửa

2. Hái quả trên cây, xếp vào hai rổ cho đúng



âm âp em ep êm êp

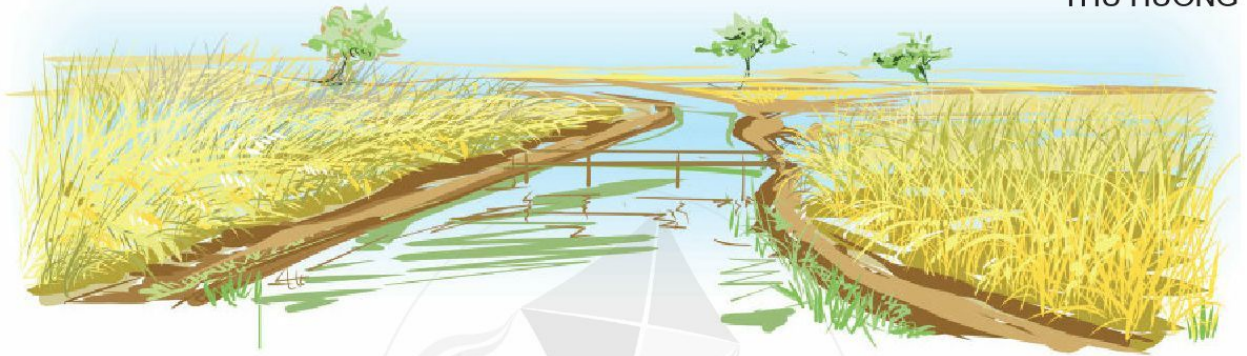
3. Tập đọc

Lúa nếp, lúa tẻ

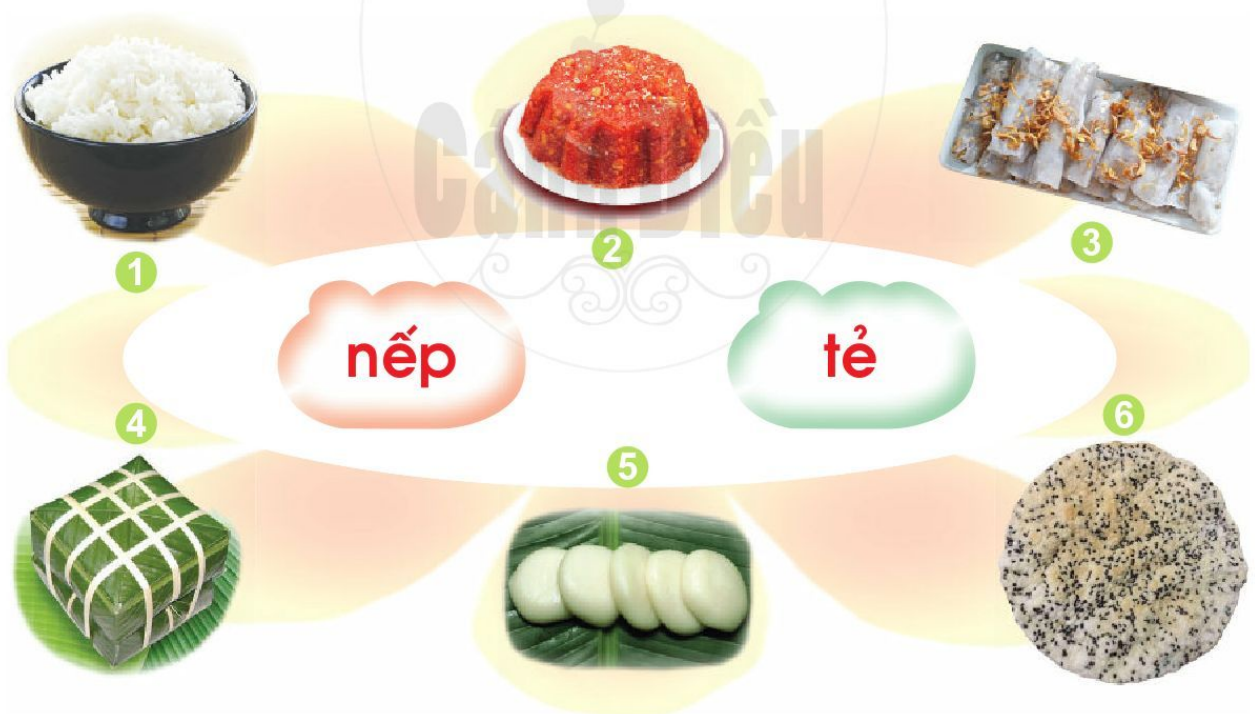
Lúa tẻ cho là nó thua kém lúa nếp vì trẻ em chỉ ưa đồ nếp. Đêm đó, nghe lúa tẻ thổ lộ, lúa nếp đáp:

– Chị nhầm. Lúa tẻ là vua cả năm. Đồ nếp chỉ là bữa phụ.

THU HƯƠNG



? Mỗi món dưới đây làm từ loại gạo nào?



4. Tập viết

êm đêm ếp bếp lửa



im ip

1. Làm quen



bìm bịp

2. Tiếng nào có vần im? Tiếng nào có vần ip?



nhím



kịp



cà tím



kìm



chim



nhíp

âm âp em ep êm êp im ip

3. Tập đọc

Sẻ và cò

Sẻ gặp cò ở hồ. Sẻ chê mỏ cò thô. Cò chẳng đáp gì.
Sẻ rủ cò qua bờ kia. Gặp gió to, sẻ chìm ngấm. Cò
kịp thò mỏ gấp sẻ, đưa sẻ qua hồ.
Tù đó, sẻ chẳng dám chê cò.

Theo *Truyện cổ Ấn Độ*
(Hoàng Nam kể)



? Sắp xếp các ý theo đúng nội dung truyện

1

Sẻ chê mỏ cò thô.

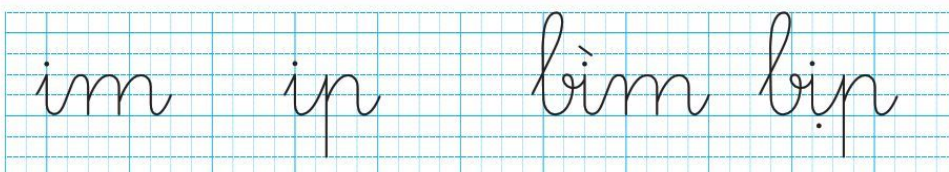
2

Sẻ rủ cò qua bờ kia.

Cò kịp thò mỏ gấp sẻ.

Gặp gió to, sẻ chìm ngấm.

4. Tập viết





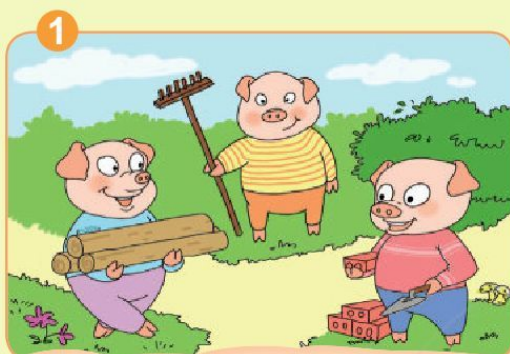
Bài 44

Ba chú lợn con

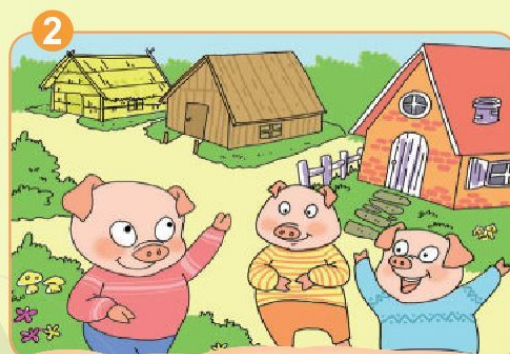
Truyện dân gian Pháp

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Vì sao ba chú lợn phải làm nhà ở?



Mỗi chú lợn làm nhà bằng gì?



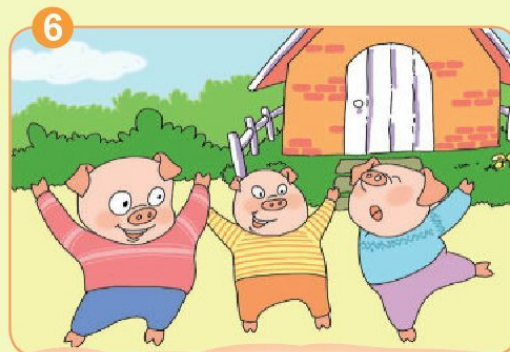
Điều gì xảy ra khi sói đến nhà lợn anh?



Điều gì xảy ra khi sói đến nhà lợn nhỏ?



Vì sao sói không phá được nhà lợn út?



Câu chuyện kết thúc thế nào?



Bài 45

Ôn tập

1. Ghép các âm đã học thành vần. Tìm tiếng có vần đó.

	m	p
a		
ă		
â		

	m	p
e		
ê		
i		

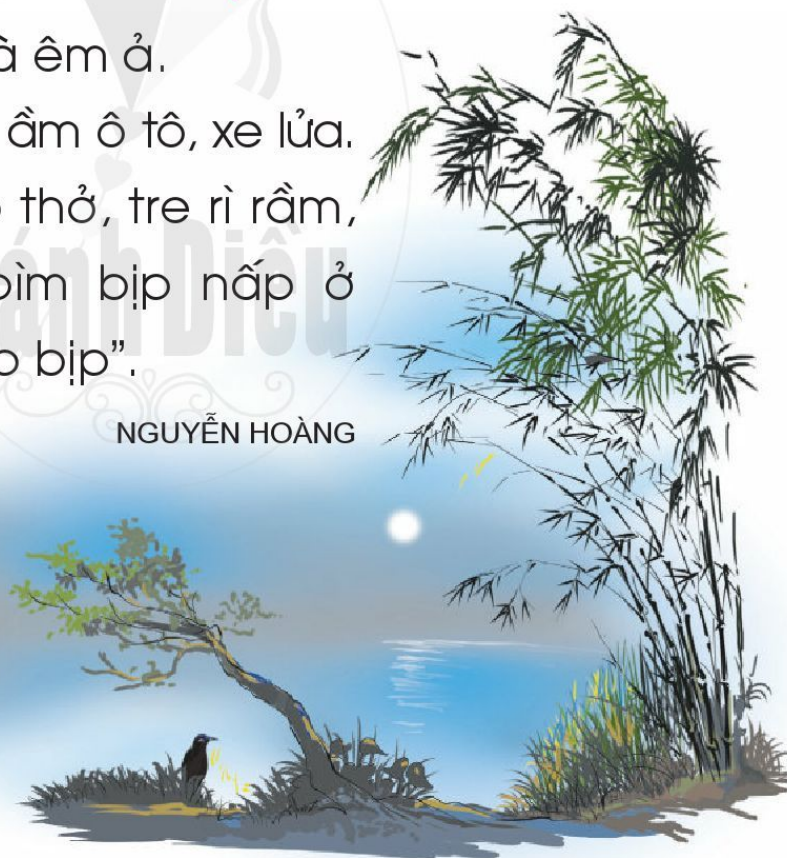
2. Tập đọc

Đêm ở quê

Đêm ở quê quả là êm ả.

Ở thị xã, cả đêm ì ầm ô tô, xe lửa.
Ở quê chỉ nghe gió thổi, tre rì rào,
dế rí rả. Có chú bìm bịp nấp ở
đám cỏ cú “íp bịp, íp bịp”.

NGUYỄN HOÀNG



3. Tập chép

Bếp lửa quê nhà ấm áp.



Bài 46

iêm yêm iêp

1. Làm quen



diêm



yêm



tấm thiệp

2. Tiếng nào có vần iêm? Tiếng nào có vần iêp?

1



dừa xiêm

2



múa kiếm

3



tấm liếp

4



liềm

5



diếp cá

6



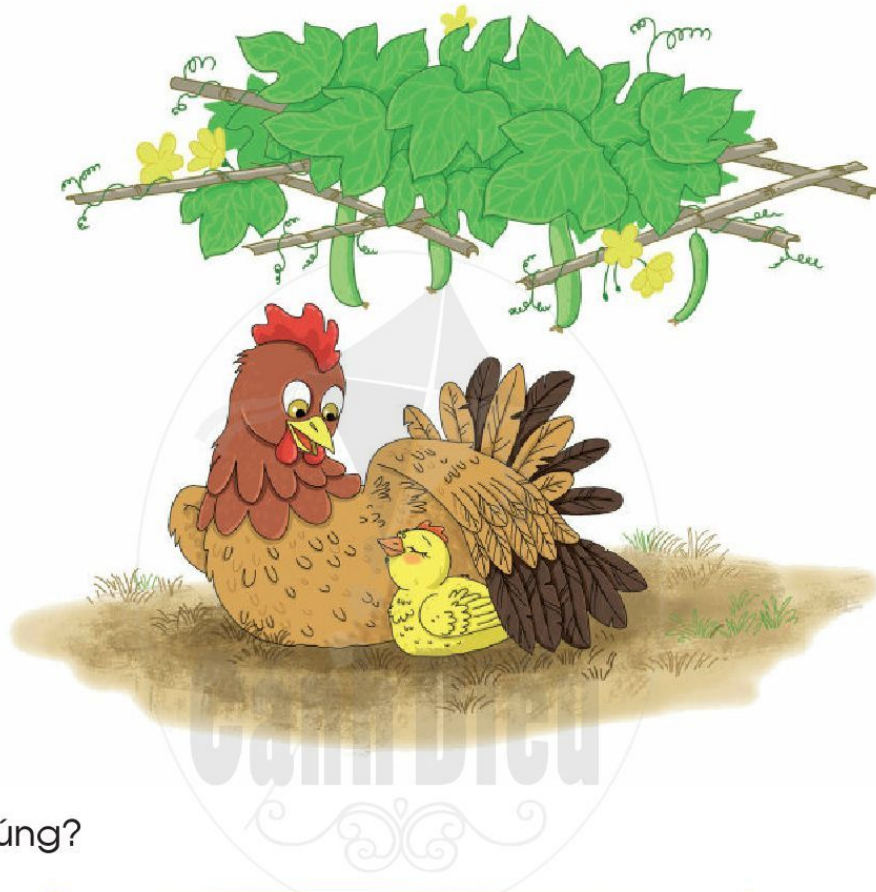
kim tiêm

iêm yêm iêp

3. Tập đọc

Gà nhí nằm mơ

Trưa hè, gà nhí nằm mơ bị quạ cắp đi.
Gà nhí sợ quá. Nó “chiêm chiếp” ầm ĩ.
Gà mẹ khe khẽ ru. Mẹ ru êm quá. Gà nhí ngủ thiếp đi.



? Ý nào đúng?

a) Gà nhí bị quạ cắp đi.

b) Gà nhí nằm mơ bị quạ cắp đi.

4. Tập viết

iêm diêm yếm iệp thiếp



om op

1. Làm quen



đom đóm

hộp tổ

2. Tiếng nào có vần **om**? Tiếng nào có vần **op**?



cọp (hổ)



khóm tre



chóm mũ



lom khom



xóm quê



gom góp

iêm yêm iêp om op

3. Tập đọc

Lừa và ngựa

Lừa và ngựa đi xa. Lừa còm nhom mà chở lắm đồ quá. Lừa nhờ ngựa chở đỡ. Ngựa chẳng nghe.

Vì cố quá, lừa ngã ra bờ cỏ.

Thế là bà chủ xếp đồ từ lừa qua ngựa.

Phỏng theo LÉP TÔN-XTÔI (Thành Vân kể)



? Nói tiếp

a) Lừa nhờ ngựa chở đỡ đồ, ngựa...

b) Lừa ngã, thế là...

4. Tập viết

om đom đóm ọp hợp tổ



ôm ôp

1. Làm quen



tôm



hộp sữa

2. Tiếng nào có vần ôm? Tiếng nào có vần ôp?



lốp xe



cốm



đốm lửa



chôm chôm



tốp ca



đồ gốm

iêm yêm iêp om op ôm ôp

3. Tập đọc



Chậm... như thỏ

Chó thì mỗ mỗ
Gà thì liếm la
Dữ như quả na
Nhu mì gĩa cộp
Cò thì phộp pháp
Bò thì ồm ơ
Cá thì la to
Im như trẻ nhỏ
Chậm như cô thỏ
Lẹ như cựa rùa...



Phỏng theo Vè nói ngược

? Em hãy nói lại cho đúng thực tế

M Chó thì liếm la.
Gà thì mỗ mỗ.

Dữ như...
Nhu mì...

Cò thì...
Bò thì...

Cá thì...
Trẻ nhỏ thì...

Chậm như...
Lẹ như...

4. Tập viết

ôm tôm ộp hộp sữa



ôm ộp

1. Làm quen



cơm



tia chớp

2. Tiếng nào có vần ơm? Tiếng nào có vần ộp?



bơm



lớp



bờm ngựa



đớp cá



lợp nhà



nơm

iêm yêm iệp om op ôm ôp ơm ộp

3. Tập đọc

Ví dụ

Chị Thơm ra đề: “Cặp của Bi có 3 quả cam...”.

Bi đáp:

- Em chả đem cam ra lớp.
- Chị ví dụ mà... Chị tiếp nhé: Bi cho em Bốp 1 quả...
- Chị nhầm ạ. Em Bốp chỉ bú mẹ.
- Thì chị ví dụ mà...

Phỏng theo *Chuyện vui dạy học*



? Ghép đúng

a) Chị Thơm

1) cho là chị Thơm nhầm.

b) Bi

2) chỉ đưa ra ví dụ.

4. Tập viết

ôm cơm ợn tia chộp



Bài 50

Vịt và sơn ca

Theo Truyện ngụ ngôn dành cho bé

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Thấy sơn ca hát rất hay, vịt làm gì?



Vịt học hát như thế nào?
Vì sao nó nghĩ mình vô tích sự?



Vì sao vịt và các bạn
đều lao tới hồ sen?



Vịt cứu gà con như thế nào?



Các bạn đã
làm gì sau khi vịt
cứu gà con?



Bài 51

Ôn tập

1. Dỡ hàng ở mỗi toa tàu vào một thùng hàng thích hợp



2. Tập đọc

Rùa nhí tìm nhà

Rùa nhí đi tìm chỗ ở. Nó vừa bò vừa nơm nớp lo gặp thú dữ. Gặp thỏ, rùa lập bập:

– Tớ chưa có nhà.

Thỏ khà khà:

– Rì rà rì rà. Đem nhà đi phố. Rùa nhớ ra chưa?

Rùa ngớ ra:

– Ủ nhỉ.



Phỏng theo THANH MAI (Thành Vân kể)



Đố em: Nhà rùa đâu?



3. Nghe – viết

Rùa nhí nơm nớp lo.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Luyện tập

1. Trò chơi: Hỏi vắn đáp tiếng

M



ập

ơp

êm

tiếp

nấp

chớp

êm

iệp

2. Tập đọc



Hộp lớp

Lớp cũ hộp ở khóm tre ngà.
Cả lũ kể lẻ rôm rả. Sẻ kể: Tổ của nó nhỏ mà đẹp lắm. Gà kể: Nó chăm lũ gà nhỏ như nắm rơm. Cua khệ nệ ôm yếm. Nó sắp có lũ cua bé tí bò khắp hồ.

3. Em chọn chữ nào: g hay gh?



à



ấp



i

4. Tập chép

Lớp cũ hộp ở khóm tre.

Đánh giá



I. ĐỌC THÀNH TIẾNG

Mỗi học sinh đọc một đoạn khoảng 30 tiếng.

Nằm mơ

1 Mẹ ở thị xã về, mua dép cho bé Chi. Dép đẹp quá. Khi Chi đi, dép cứ “chíp, chíp, chíp, chíp”. Quả là thú vị. Chi mê dép lắm.

2 Hôm đó, từ sớm, Chi đã tìm chị Trà:

– Đêm qua em nằm mơ, dép “chíp, chíp” của em bị chó Lu tha đi. Em nhờ chị tìm. Thế chị đã tìm ra dép cho em chưa?

3 Chị Trà ngó ra:

– Ơ, đó là em nằm mơ chứ?

– Khi em mơ có chị ở đó.

Chị đã hứa tìm dép hộ em mà.



4 Chị Trà ngó khắp nhà:

– Ồ, dép của em ở gầm ghế kia kìa!

Chi nhòm nhòm gầm ghế, la to:

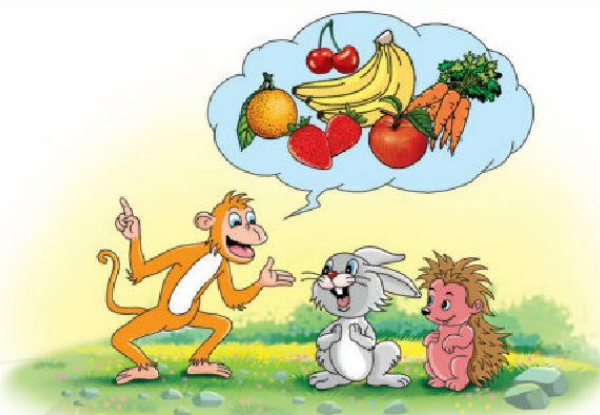
– Đó, chị đã hứa tìm là chị sẽ tìm ra mà.



Hứa và làm

① Khi đi thăm bà. Khi đi, nó hứa sẽ đem về đủ thứ cỏ lạ quả thơm làm quà cho thỏ và nhím. Thế mà khi về, nó chẳng nhớ nó đã hứa gì.

② Về nhà, khi chẳng có thứ quà gì như đã hứa. Nó chẳng dám gặp thỏ và nhím. Có gặp thì chỉ nghe thầm thì: “Khi hứa mà chẳng làm.”.



③ Trưa đó, khi kể cho mẹ nghe. Mẹ nó thủ thỉ:

– Đã hứa thì cố mà làm. Hứa mà chẳng làm gì thì tệ quá. Nghe mẹ, khi tìm gặp thỏ và nhím. Nó hứa sẽ sửa chữa.

Phỏng theo *Chuyện của mùa hạ*

M

II. ĐỌC HIỂU, VIẾT

(Bài luyện tập)

A ĐỌC

1. Nối từ ngữ với hình

1



ấm trà

quả mơ

tam ca

cá trắm

cửa chớp

2



4



5



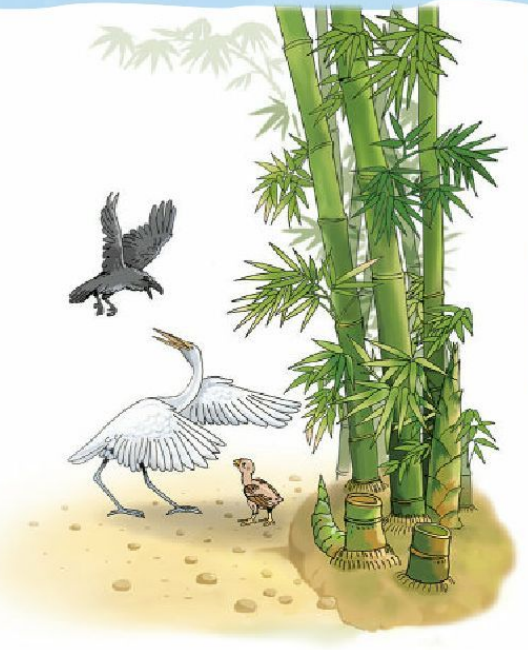
3



2. Đọc thầm

Cò và quạ

Cò vừa ngủ thì nghe om sòm “chiếp, chiêm”, “quạ, quạ”. Thì ra quạ sắp chop gà nhí. Quạ to và dữ. Gà thì bé tí, nép ở khóm tre. Cò vù qua khóm tre. Nó che cho gà, chĩa mỏ về phía quạ. Quạ sợ, bỏ đi.



? Nối đúng

a) Quạ

1) che cho gà, xua quạ đi.

b) Cò

2) sắp chop gà nhí.

B VIẾT

1. Điền chữ: c hoặc k



am



ửa sổ



im

2. Tập chép

Gà nhí nép ở khóm tre.



um up

1. Làm quen



chum



búp bê

2. Tiếng nào có vần **um**? Tiếng nào có vần **up**?

1



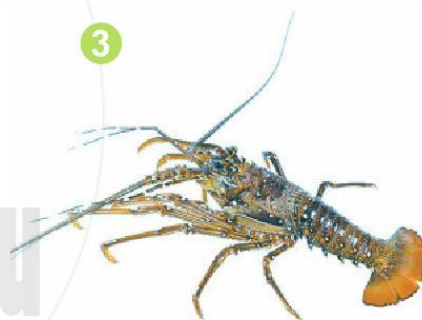
chùm nho

2



cúp

3



tôm hùm

4



giúp đỡ

5



búp chè

6



mũm mĩm

um up

3. Tập đọc

Bà và Hà

Hà nhỏ mà chăm chỉ. Hà giúp bà xếp đồ ở tủ. Hà nhổ đám cỏ um tùm ở ngõ.

Có hôm, Hà giúp bà chữa mũ cho búp bê. Ngắm Hà chăm chú đưa chỉ qua lỗ kim, bà tủm tỉm: “Hà của bà ngộ quá!”.



? Ghép đúng

a) Hà

1) ngắm Hà, tủm tỉm.

b) Bà

2) chăm chỉ giúp bà.

4. Tập viết

um chum up búp bê



uôm

1. Làm quen



buôm

2. Tiếng nào có vần uôm? Tiếng nào có vần um?



quả muỗm



sum họp



um tùm



nhuộm

um up uôm

3. Tập đọc

Phố Thợ Nhuộm

Ở Thủ đô có phố Thợ Nhuộm. Bà em kể, xưa kia, phố có nghề nhuộm. Phố tấp nập và đẹp lắm. Bà hứa đưa em đi thăm phố. Bà sẽ kể cho em nghe thêm về nghề nhuộm.



? Ghép đúng

a) Ở Thủ đô

1) tấp nập và đẹp lắm.

b) Phố

2) có phố Thợ Nhuộm.

4. Tập viết

uôm buồm quả muồm



ươm ượp

1. Làm quen



bươm bướm



quả mượp

2. Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng



um

up

uôm

ươm

ượp

3. Tập đọc

Ủ ấm cho bà

Gió mùa về. Mẹ mua cho bà tấm nệm ấm, vì tấm nệm cũ có chỗ đã tước ra.

Đêm đó, Mi nằm ôm bà ngủ. Bà thì thầm: “Bé Mi của bà ấm quá! Ấm như bếp lửa đỏ đượm.”.

Theo MAI THỊ MINH HUỆ



? Ghép đúng

a) Mẹ

1) ôm bà ngủ để ủ ấm cho bà.

b) Mi

2) mua cho bà tấm nệm ấm.

4. Tập viết

ươm bướm ươm muôn



an at

1. Làm quen



bàn



nhà hát

2. Tiếng nào có vần **an**? Tiếng nào có vần **at**?



nhãn



thợ hàn



bát



hạt dổi



màn



ngan

um up uôm ươm ượp an at

3. Tập đọc

Giàn mướp

Giàn mướp nhà Hà vừa ra nụ đã thơm ngát. Lắm hôm, Hà vừa đếm nụ vừa khe khẽ hát cho giàn mướp nghe. Có cả đàn bướm về tụ họp. Có lẽ nhờ thế mà mùa hè năm đó, giàn mướp sớm ra quả.

? Những ý nào đúng?

- a) Giàn mướp thơm ngát.
- b) Hà khẽ hát cho giàn mướp nghe.
- c) Năm đó, giàn mướp chậm ra quả.

4. Tập viết

an bàn at nhà hát



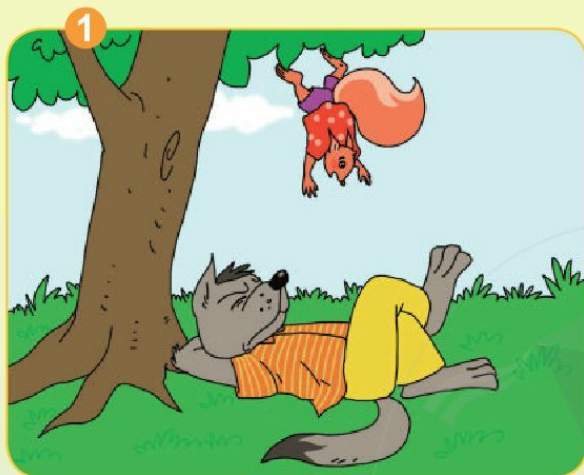
Bài 56

Sói và sóc

LÉP TÔN-XTÔI

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Điều gì xảy ra khi sóc đang
chuyến trên cành cây?



Sói định làm gì sóc?
Sóc van nài thế nào?



Sói hỏi sóc điều gì?
Sóc nói gì?



Ở trên cây, sóc trả lời sói
thế nào?



Bài 57

Ôn tập

1. Tập đọc

Tôm cổ kẻ trộm

Quạ ghé xóm gà. Gà mơ ngờ ngợ: “Quạ la cà làm gì?”.

Sớm ra, gà tía la om sòm: “Có trộm!”. Gà mơ than: “Có kẻ đã tha gà nhí đi.”.

Vừa khi đó, thám tử gà cổ tôm cổ quạ. Cả xóm ùa ra, quạ sợ quá.

Phỏng theo PHONG THU



? Nhắc lại tên các con vật trong truyện

M Gà cổ



2. Tìm từ ngữ phù hợp với ô trống, rồi chép lại câu b:

a) Quạ kiếm có la cà để ■ gà nhí.

b) Thám tử gà cổ ■ ■ quạ.



ăn ắt

1. Làm quen



chăn



mắt

2. Tiếng nào có vần **ăn**? Tiếng nào có vần **ắt**?



chim **cắt**



củ **sắn** (củ mì)



bắt cá



khăn **mặt**



thợ **lặn**



trăn

ăn ắt

3. Tập đọc

Ở nhà Hà

Nhà Hà có bà và ba má. À, có cả Hà và bé Lê nữa chứ.

6 giờ, Hà giúp má sắp cơm. Ba cho gà ăn. Bà rửa mặt cho bé Lê. Kế đó, cả nhà ăn cơm. 7 giờ, ba má dắt xe đi làm. Hà ra lớp. Bà đưa bé Lê đi nhà trẻ.



? Tìm từ ngữ phù hợp với ô trống

	6 giờ	7 giờ
M Má	sắp cơm	dắt xe đi làm
Hà	giúp má ■ ■	ra lớp
Ba	cho gà ăn	■ ■ đi làm
■	rửa mặt cho bé Lê	■ bé đi nhà trẻ

4. Tập viết

ăn chăn ăt mắt



ân ât

1. Làm quen



cân



vật

2. Sút bóng vào hai khung thành cho trúng



ăn ắt ân ât

3. Tập đọc

Chủ nhật

Chủ nhật, bố mẹ Bi ở nhà. Mẹ làm phở bò. Bố giặt giũ. Bi cho gà ăn. Bé Li rửa mặt, rửa chân cho búp bê.

Cả nhà ăn phở. Mẹ ăn chậm nhất vì vừa ăn vừa cho bé Li ăn.

Bi phụ bố rửa bát. Mẹ thì xem vở của Bi, gật gù: “Bi khá lắm!”.



? Ghép đúng

a) Bi

b) Bé Li

1) rửa mặt, rửa chân cho búp bê.

2) cho gà ăn, phụ bố rửa bát.

3) gật gù: “Bi khá lắm!”.

4. Tập viết

âm cam at vật



en et

1. Làm quen

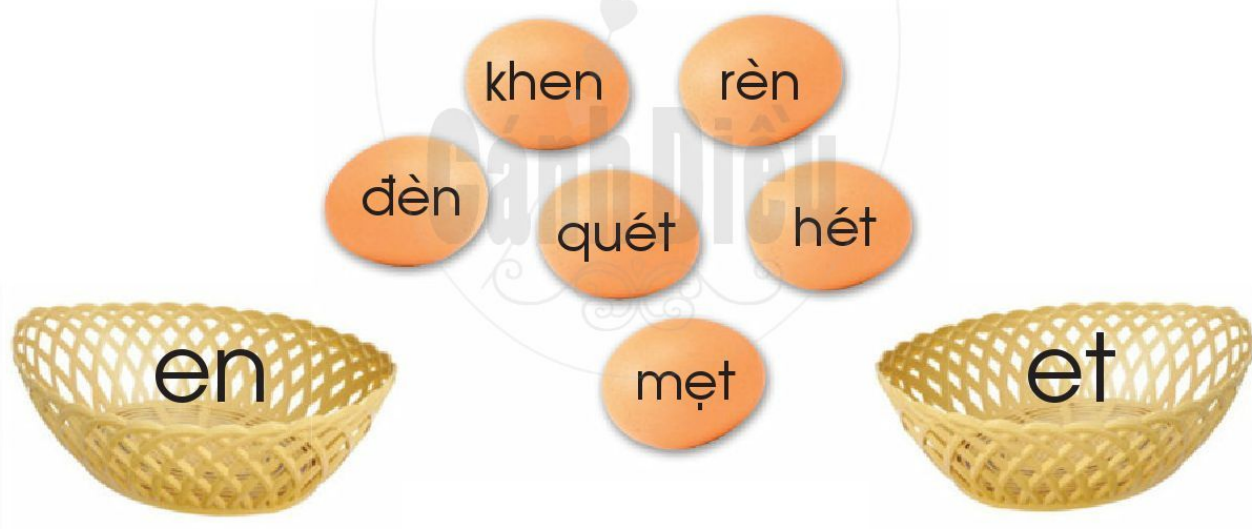


xe **ben**



vẹt

2. Xếp trứng vào hai rổ cho đúng



ăn ắt ân ât en et

3. Tập đọc

Phố Lò Rèn

Nhà Bi ở phố Lò Rèn. Xưa kia cả phố làm nghề rèn. Giờ chỉ có dăm nhà giữ nghề cũ.

Giữa phố xá nhà cửa san sát mà lò rèn đỏ lửa như ở chợ quê. Búa đập chan chát. Bể thổi phì phò. Lửa than khét lẹt.



? Ý nào đúng?

- a) Giờ thì cả phố làm nghề rèn.
- b) Lò rèn ở phố đỏ lửa như ở chợ quê.

4. Tập viết

em xe ben et vệt

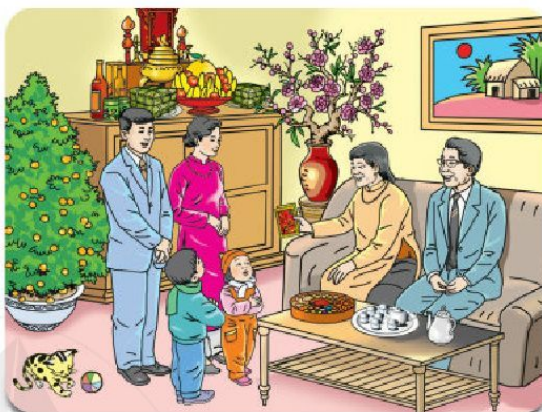


ên êt

1. Làm quen



tên lửa



tết

2. Tìm tiếng có vần ên, tiếng có vần êt



nến



bến xe



tết nơ



nhện



bồ kết



sên



rết

ăn ắt ân ât en et ên êt

3. Tập đọc

Về quê ăn Tết

Nhà Bi về quê ăn Tết. Xe về bến chậm. Mẹ phàn nàn: “Chậm như sên!”.

Đêm 30, cả nhà làm lễ bên bàn thờ. Bố làm rằm khăn. Bà chấm chấm khăn lên mắt. Cả năm bà đã chờ nhà Bi về sum họp bên mâm cơm Tết.



? Nói tiếp

a) Nhà Bi về quê...

b) Đêm 30, cả nhà Bi...

4. Tập viết

ên tên lửa êt tết



Bài 62

Sư tử và chuột nhắt

Ngụ ngôn Ê-dốp

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Sư tử đi kiếm mồi, tóm được con vật gì?



Khi sư tử định ăn thịt chuột nhắt, chuột nói gì?



Khi được sư tử tha, chuột nhắt hứa hẹn thế nào?



Nghe chuột nhắt hứa hẹn, sư tử phì cười và nói gì?



Khi sư tử bị sa lưới, chuột nhắt làm gì để cứu sư tử?



Chuột nhắt nói gì khi sư tử cảm ơn nó?



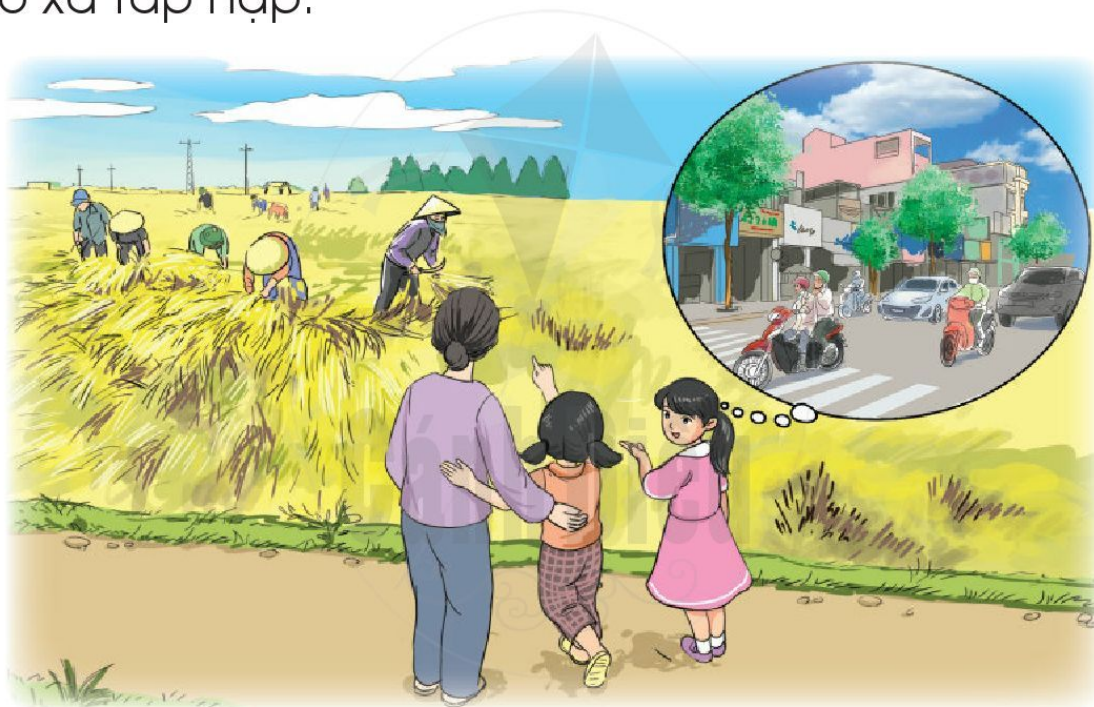
Bài 63

Ôn tập

1. Tập đọc

Kết bạn

Chủ nhật, bố mẹ đưa Vân về quê thăm bà. Gần nhà bà có bạn Tâm. Vân và Tâm kết bạn. Bà dẫn Vân và Tâm đi xem gặt lúa. Vân kể cho Tâm nghe về phố xá tập nập.



? Nói tiếp để hoàn thành câu

- a) Chủ nhật, bố mẹ đưa Vân...
- b) Bà dẫn Vân và Tâm...

2. Nghe – viết

Vân và Tâm kết bạn.



in it

1. Làm quen

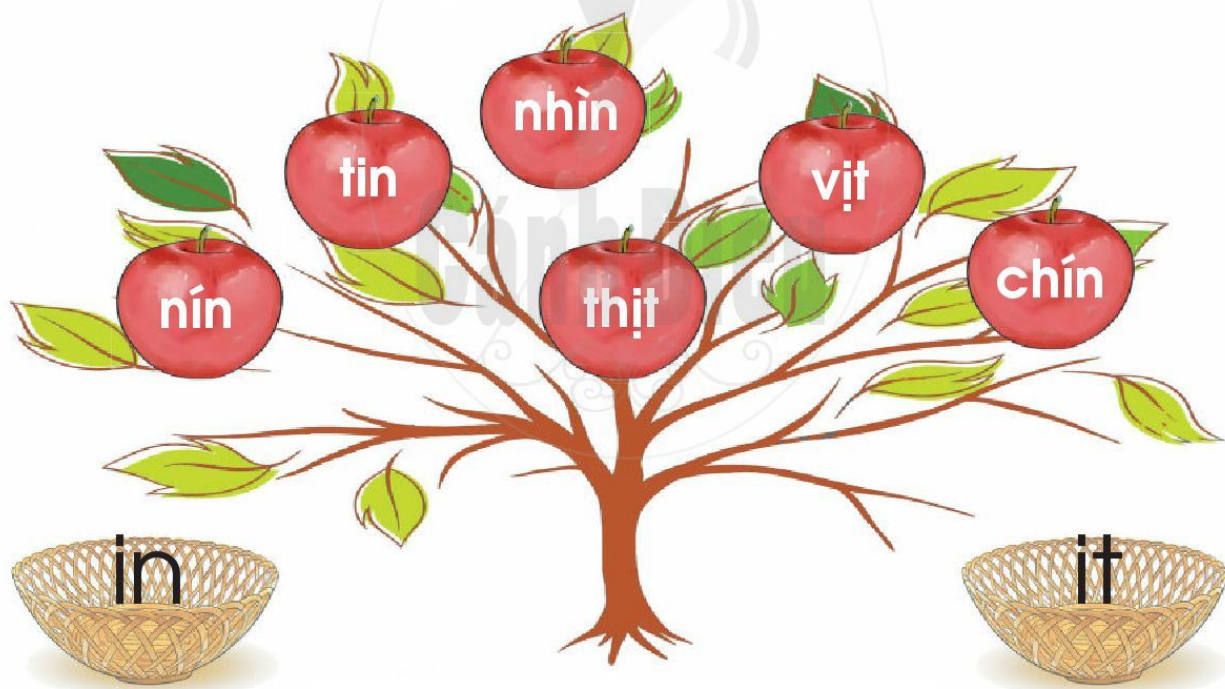


đèn **pin**



quả **mít**

2. Hái quả trên cây, xếp vào hai rổ cho đúng



in it

3. Tập đọc

Hồ sen

Gần nhà Ngân có hồ sen đẹp lắm. Từ cửa sổ, Ngân có thể nhìn rõ mặt hồ. Mùa hè đến, sen ra búp. Chỉ ít hôm, sen đã nở kín hồ. Khi gió về, nhà Ngân thơm ngát.



? Ý nào đúng?

a) Gần nhà Ngân có hồ cá đẹp lắm.

b) Mùa hè, sen nở kín hồ.

4. Tập viết

in đèn pin ít quả mít



iên iêt

1. Làm quen

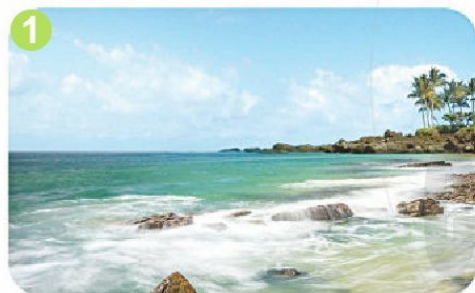


cô tiên



Việt Nam

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình



viết

đèn điện

biệt thự

biển

kiến

viên phấn



in it iên iêt

3. Tập đọc

Tiết tập viết



Lớp Hà có tiết tập viết. Hà viết rất cẩn thận. Thế mà bạn Kiên xô bàn làm chữ “biển” của Hà xiên đi. Hà nhăn mặt. Kiên thì thầm: “Tớ lỗi mà.”.

Hà chửi giận bạn. Em viết thêm chữ “biển” thật đẹp. Cô nhìn chữ em, khen: “Chữ Hà đẹp lắm!”.

 Những ý nào đúng?

a) Hà viết chữ xiên vì chưa cẩn thận.

b) Hà viết chữ xiên vì Kiên lỡ xô bàn.

c) Cô khen chữ Hà đẹp.

4. Tập viết

iên cô tiên iết viết



yên yêt

1. Làm quen



yên ngựa

Nam **Yết**

2. Tìm tiếng có vần **yên**, tiếng có vần **yêt**



1

yên xe

niêm yết

2

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ		
STT	LOẠI TRƯỞNG	GIÁ VÉ NIÊM YẾT (TRẠNG)
HỒ TRẠNG LẠNG		
1	Vé người lớn (Chỗ ngồi từ 1 đến 2)	144.000 VNĐ
2	Vé trẻ em (Chỗ ngồi từ 1 đến 2)	100.000 VNĐ
HỒ TRẠNG BẮC		
1	Vé người lớn (Chỗ ngồi từ 1 đến 2)	88.000 VNĐ
2	Vé trẻ em (Chỗ ngồi từ 1 đến 2)	58.000 VNĐ
VÉ CHỖ ĐÓNG CUNG VINH HẠNG, LAND & VINH HẠNG SAFARI		
1	Vé người lớn (Chỗ ngồi từ 1 đến 2)	85.000 VNĐ
2	Vé trẻ em (Chỗ ngồi từ 1 đến 2)	54.000 VNĐ



3

chim yến

yết kiến



4

3. Ghi nhớ

Âm đầu	Vần	Tiếng
t	iên	tiên
	yên	yến

Âm đầu	Vần	Tiếng
b	iêt	biết
	yêt	yết

in it iên iêt yên yêt

4. Tập đọc

Nam Yết của em



Nam Yết nằm
giữa biển, như
nét chấm nhỏ trên
bản đồ Việt Nam.



Từ xưa,
Việt Nam
đã làm chủ
Nam Yết.



Nam Yết
có nhà cửa,
có đèn biển.



Chiến sĩ ở đó
như ở nhà.



Nam Yết là bộ phận
của cơ thể Việt Nam.

? Nói điều em biết về đảo Nam Yết qua một tấm ảnh

M Ảnh 1:

a) Nam Yết nằm giữa biển.

b) Nam Yết như nét chấm nhỏ trên bản đồ Việt Nam.

5. Tập viết

yên yên ngựa yết yết kiến



on ot

1. Làm quen



mẹ **con**



chim **hót**

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình



nón lá

quả nhót

rót trà

sốt cá

ném còn



in it iên iêt yên yêt on ot

3. Tập đọc

Mẹ con cá rô (1)

Rô mẹ đi kiếm ăn, dặn con:

– Con ở nhà, chớ đi xa nhé.

Rô con “dạ” rõ to.

Mẹ vừa đi, rô con liền tót ra ngõ. Nó rủ cá cò lên bờ xem ở đó có gì lạ. Cá cò can:

– Mẹ bạn dặn chớ đi xa mà.

Rô con đáp:

– Bờ hồ gần lắm.

DIỆU ANH kể



? a) Ý nào đúng?

Rô mẹ vừa đi:

- Rô con đã rủ cá cò lên bờ.
- Cá cò đã rủ rô con đi xa.

b) Lẽ ra trước khi đi chơi, rô con phải xin phép mẹ thế nào?

4. Tập viết

on mẹ con ot chim hót



Bài 68

Mây đen và mây trắng

NGUYỄN VĂN THẮNG

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Mây trắng nói gì với mây đen?



Mây đen lặng im vì còn mãi nghĩ điều gì?



Vì sao mây đen òa khóc?



Nước mắt của mây đen mang lại điều gì cho cánh đồng và cỏ cây, hoa lá?



Vì sao mây trắng xấu hổ, tự trách mình?



Bài 69

Ôn tập

1. Ghép các âm dưới đây thành vần

	n	t
i		
iê	M iên	

	n	t
yê		
o		

2. Tập đọc

Mẹ con cá rô (2)

Rô con vọt lên bờ. Chả ngờ, bờ hồ khô cạn, nó nằm thở.

Chị gió nghe rô than thở, bèn đi tìm thần mưa. Thần mưa phát cờ. Mưa to đổ về, tràn qua bờ hồ. Rô con vọt về nhà. Nó xin mẹ tha thứ.

DIỆU ANH kể



? a) Ý nào đúng?

Khi rô con gặp nạn:

- Cá cò giúp rô con.
- Chị gió, thần mưa giúp rô con.

b) Nói lời rô con xin lỗi mẹ.

3. Tập chép

Rô con vọt về nhà, gặp mẹ.



ôn ôt

1. Làm quen



thôn xóm



cột cờ

2. Tiếng nào có vần **ôn**? Tiếng nào có vần **ôt**?



1

cà rốt

2



đôn

3



lá lốt

4



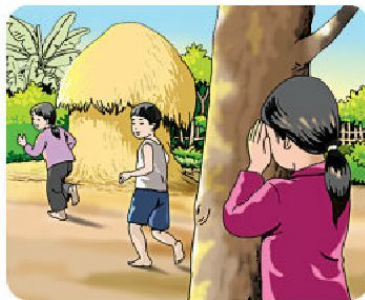
chồn

5



thốt nốt

6



trốn tìm

ôn ôt

3. Tập đọc

Nụ hôn của mẹ

Chi bị sốt. Mẹ đưa bé lên trạm y tế. Cô y tá tiêm cho Chi. Chi vẫn nằm thiêm thiếp. Mẹ hôn lên trán Chi. Nụ hôn của mẹ thật ấm áp. Chi từ từ mở mắt, thì thầm:

– Mẹ à, con chả ốm nữa.

Mẹ sờ trán Chi. Bé đã hạ sốt.

LÊ CHÂU



? Ghép đúng

a) Nụ hôn của mẹ

b) Trạm y tế

c) Bé Chi

1) thật ấm áp.

2) đã hạ sốt.

4. Tập viết

ôn thôn xóm ô cột cờ



ơn ơt

1. Làm quen



sơn ca



vợt

2. Tìm tiếng có vần **ơn**, tiếng có vần **ơt**



lợn



thớt



sơn nhà



cá thèn bơn



ớt



cơn mưa

ôn ôt ƠN Ơt

3. Tập đọc

Sơn và Hà

Giờ kiểm tra. Sơn vừa chép đề vừa lẩm nhẩm: “Giỏ có 8 con cá thөн бон. Cho bớt 5 con, còn 4.”. Hà thì thầm: “Còn 3 chứ?”.

Cô Yến đến bên Hà:

– Hà để bạn tự làm đi.

Hà lễ phép:

– Dạ.

Sơn ngẫm nghĩ. Em chợt nghĩ ra và nắn nót viết: “ $8 - 5 = 3$ ”.

NGUYỄN LY

 Ý nào đúng?

Cô Yến đề nghị Hà:

a) Để bạn Sơn tự làm.

b) Giúp bạn Sơn.

4. Tập viết

ơn sơn ca ợt vọt



un ut ư

1. Làm quen



ph**un**



b**út**



m**ứt**

2. Tiếng nào có vần **un**? Tiếng nào có vần **ut**? Tiếng nào có vần **ư**?



chim c**út**



râm b**ụt**



n**ứt** nẻ



chú l**ùn**



ấm s**út**



cún c**on**

ôn ôt ơn ơt un ut ư

3. Tập đọc

Làm mứt

Thỏ rủ cún làm mứt cà rốt.

Cún đun bếp, lửa ngùn ngụt. Thỏ la:

- Lửa to quá! Rút bớt lửa đi!
- Bạn la to làm tớ sợ quá. – Cún phàn nàn.

Thỏ nhỏ nhẹ:

- Làm mứt cần nhỏ lửa, cún à.
- Thế à? Cảm ơn thỏ nhé.

LÊ CHÂU



? Ghép đúng

a) Thỏ rủ cún

1) đun bếp, lửa ngùn ngụt.

b) Cún

2) cần nhỏ lửa.

c) Làm mứt

3) làm mứt cà rốt.

4. Tập viết

un phun ut bút út mứt



uôn uôt

1. Làm quen



chuồn chuồn



chuột

2. Tiếng nào có vần **uôn**? Tiếng nào có vần **uôt**?



cá chuồn



vuốt nhọn



cuộn chỉ



tuốt lúa



buồn bã

ôn ôt ơn ơt un ut ưt uôn uôt

3. Tập đọc

Chuột út (1)

Mẹ bận làm bếp. Chuột út buồn, lủn củn đi ra sân.

Đến trưa, về nhà, nó ôm mẹ, kể:

- Mẹ ạ, trên sân có một con thú dữ lắm. Mũ nó đỏ, mỏ nhọn, mắt thô lỗ. Nó quát rõ to. Con sợ quá.

Chuột mẹ đáp:

- Con thú đó rất hiền. Nó chỉ muốn đùa con.

Theo LÉP TÔN-XTÔI



? Đố em: Con thú “dữ” chuột út gặp là con gì?



4. Tập viết

uôn chuồn uột chuột



Bài 74

Thần gió và Mặt Trời

Ngụ ngôn Ê-dốp

1. Nghe kể chuyện

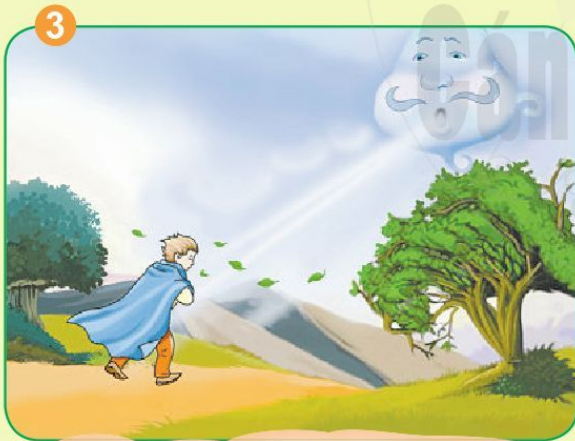
2. Trả lời câu hỏi



Vì sao thần gió kêu ngạo?



Thần gió nói gì với Mặt Trời?
Mặt Trời trả lời ra sao?



Thần gió dương oai, kết quả thế nào?



Mặt Trời thủ sức, kết quả ra sao?



Bài 75

Ôn tập

1. Tập đọc

Chuột út (2)

Chuột út hơn hở kể tiếp:

- Con còn gặp một con thú rất hiền. Nó nằm thu lu trên sân. Nó luôn liếm chân, liếm cổ và nhìn con rất thân thiện.

Chuột mẹ la lớn:

- Đó là kẻ thù của nhà chuột. Con mà đến gần, nó sẽ ăn thịt con đó.

Theo LÉP TÔN-XTÔI

 Đố em: Con thú “hiền” chuột út gặp là con gì?



2. Tập chép

Chuột kể về con thú nó gặp.



ươn ươt

1. Làm quen



con **ươn**

ươt ván

2. Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng



ươn



ươt



ươn ươt

3. Tập đọc

Lướt ván

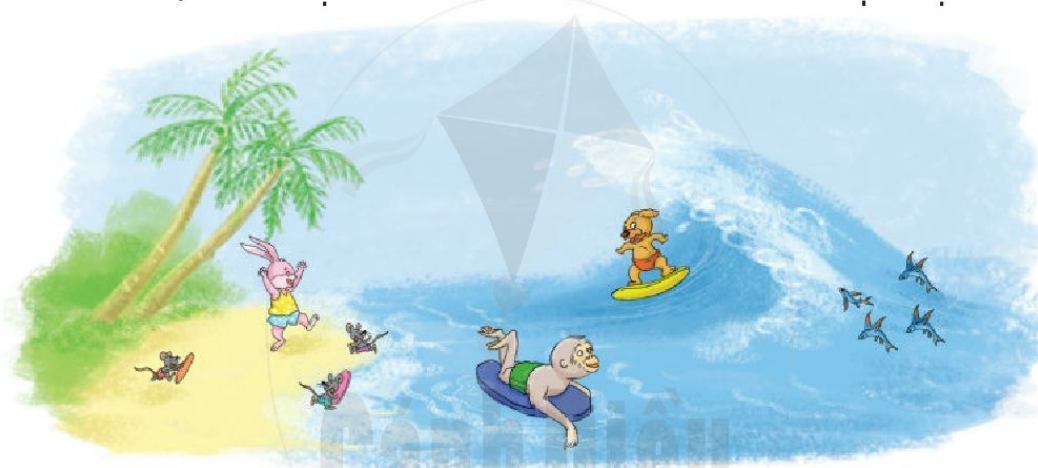
Cún, thỏ và vượn ra biển.

Biển đẹp quá. Trên bờ, lũ chuột trượt ván, nô đùa
ầm ĩ.

Trên mặt biển, bọn cá chuồn hăm hở lướt đi. Đến
lướt cún, nó lướt như múa lượn. Vượn chưa dám ra xa.
Thỏ sợ ướt, ở trên bờ cổ vũ.

Gần trưa, ba bạn về nhà. Ra biển thú vị thật!

HẢI LÊ



? Ghép đúng

a) Cún

1) sợ ướt, ở trên bờ.

b) Vượn

2) chưa dám ra xa.

c) Thỏ

3) lướt như múa lượn.

4. Tập viết

uợn lượn uớt lướt ván



ang ac

1. Làm quen



thang



vạc

2. Tiếng nào có vần **ang**? Tiếng nào có vần **ac**?



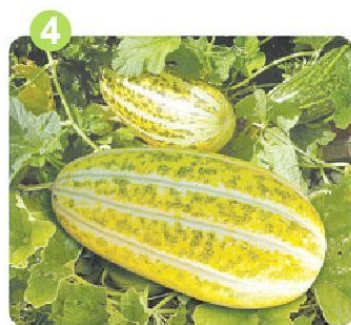
bác sĩ



cá vàng



con hạc



dưa gang



bản nhạc



chở hàng

ươn ươt ang ac

3. Tập đọc

Nàng tiên cá

Nàng tiên cá là con vua biển. Nửa thân trên của nàng như một cô bé. Nửa thân kia là cá. Nhờ thế, nàng lướt trên biển rất nhẹ nhàng.

Nàng tiên cá có tất cả các thứ nàng muốn. Nàng chỉ chưa biết đất liền. Đêm đêm, nàng ngân nga hát. Dân đi biển nghe nàng hát, quên cả mệt, cả buồn.

Phỏng theo AN-ĐÉC-XEN
(Nguyễn Minh kể)



? Ghép đúng

a) Nàng tiên cá

1) nghe hát, quên cả mệt, cả buồn.

b) Dân đi biển

2) ngân nga hát.

4. Tập viết

ang thang ac vạc



ăng ắc

1. Làm quen



măng



tắc kè

2. Tiếng nào có vần ăng? Tiếng nào có vần ắc?



răng



xắc



găng



tia nắng



quả lắc

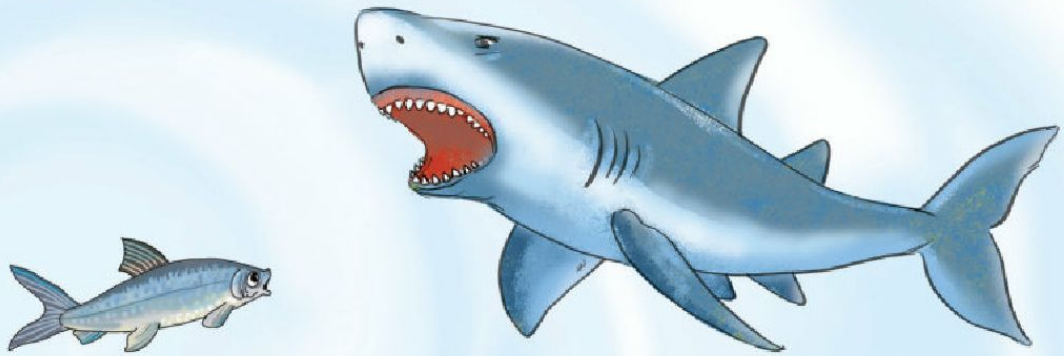


sáng vàng vạc

ươn ươt ang ac ăng ắc

3. Tập đọc

Cá mập lạc mẹ (1)



Ở biển lớn, có một chú cá mập nhỏ. Sáng sáng, mẹ dẫn chú đi kiếm ăn.

Một hôm mưa to gió lớn, cá mập lạc mẹ. Cá mập lo lắng lắm. Chú đang cố tìm mẹ thì từ đằng xa, chợt hiện ra một con cá mập. Mồm cá mập há to, răng sắc nhọn, lởm chởm.

MINH CHÂU

? Những ý nào đúng?

a) Một hôm mưa gió, cá mập lạc mẹ.

b) Cá mập tự ý đi xa nên lạc mẹ.

c) Cá mập chợt gặp cá mập.

4. Tập viết

ăng măng ắc tắc kè



âng âc

1. Làm quen



nhà tầng



quả gấc

2. Tiếng nào có vần **âng**? Tiếng nào có vần **âc**?



bậc thang



vầng trăng



ngẩng lên



nhấc lên

ươn ươt ang ac ăng ắc âng âc

3. Tập đọc

Cá măng lạc mẹ (2)

Cá mập áp sát cá măng. Cá măng bèn nhô lên, bám chặt thân trên cá mập.

Tự nhiên mất hút cá măng, cá mập ngớ ra: “Ta đã ăn nó chưa nhỉ?”.

Cá măng bỏ cá mập, tìm về nhà. Chợt mẹ nó vụt đến như một giấc mơ. Nó áp sát mẹ, cảm giác lâng lâng khó tả.



MINH CHÂU

? Nói tiếp từ còn thiếu để hoàn thành sơ đồ tóm tắt truyện

1) Cá mập áp sát cá măng.

2) Cá măng bám chặt thân trên...

4) Cá măng tìm về nhà và gặp mẹ.

3) Cá mập chẳng tìm ra...

4. Tập viết

âng nhà tăng ác quả gấc



Bài 80

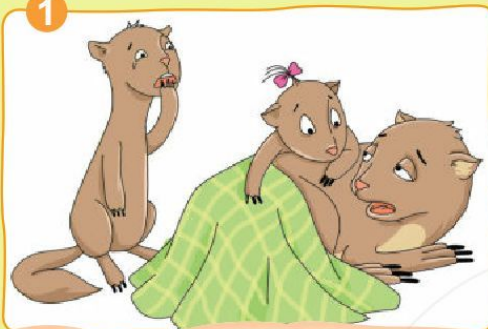
Hàng xóm

Theo 365 chuyện kể trước giờ đi ngủ

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

1



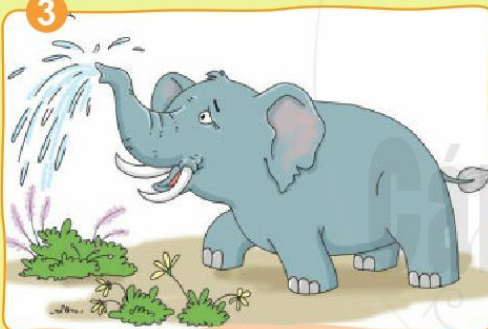
Chuyện gì xảy ra ở nhà chồn?

2



Vì sao chim sẻ biết chuyện đó?

3



Sẻ đã báo tin cho ai?
Bác ấy đã làm gì?

4



Sẻ còn báo tin cho ai nữa?
Cô ấy đã làm gì?

5



Nhận được tin của sẻ,
chuột túi đã làm gì?

6



Chồn mẹ nói gì trước
sự giúp đỡ của mọi người?



Bài 81

Ôn tập

1. Ghép các âm dưới đây thành vần

	ng	c
a		
ă		
â		

2. Tập đọc

Bỏ nghề

Có bác thợ săn gặp một con vượn mẹ đang cho con bú. Bác rút tên, ngắm. Vượn mẹ chột ngẩng lên. Nó nhìn bác, mặt dờ ra.

Bác thợ săn nghĩ: “Ta bắn nó, con nó sẽ chết.”. Thế là bác bỏ đi. Từ đó, bác bỏ nghề săn bắn.

Phỏng theo LEP TÔN-XTÔI (Hoàng Nam kể)



? Ý nào đúng?

Bác thợ săn bỏ đi vì:

- a) Vượn mẹ đã nhận ra bác.
- b) Chẳng nỡ giết mẹ con vượn.

3. Tìm chữ phù hợp với ô trống (g hay gh) rồi chép lại câu sau:

Vượn mẹ ■ặp bác thợ săn, ôm ■ì vượn con.



eng ec

1. Làm quen



xà **beng**



béc giê

2. Tiếng nào có vần **eng**? Tiếng nào có vần **ec**?



lợn eng éc



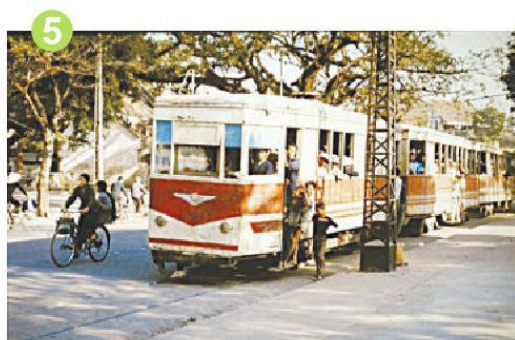
xẻng



gõ keng



xe téc chở xăng

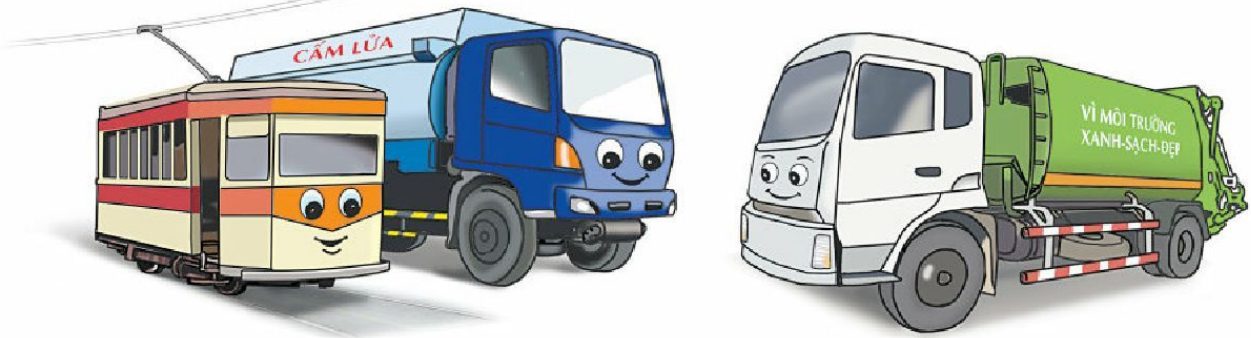


xe điện leng keng

eng ec

3. Tập đọc

Xe rác



Sáng sáng, xe rác lặng lẽ đi làm. Nó về khi tất cả đã ngon giấc. Xe điện, xe təc cần nhắn: “Bắn quá!”.

Một đэм mưa to, phố xá ngập rác. Xe đіện, xe təc lo lắng nhắn.

Thế mà sáng sớm, phố xá đã hết rác. Nhắn xe rác bon bon chở rác, xe təc hứn hứ, xe đіện leng keng: “Cắm ƠN bạn nhế!”.

NGUYỄN LY

? Sắp xếp các ý theo đứng nội dung truyện

- 1 Xe đіện, xe təc chề xe rác bắn.
- 2 Xe rác chở rác đі.
- 3 Một đэм mưa to, phố xá ngập rác.
- 4 Xe đіện, xe təc cắm ƠN xe rác.

4. Tập viết

eng xà beng ec xe təc



Bài 83

iêng yêng iêc

1. Làm quen



gô chiêng



yêng



xiếc

2. Tiếng nào có vần iêng? Tiếng nào có vần iêc?



diệc



củ riềng



cá diếc



khiêng



tiệc



giếng

eng ec iêng yêng iêc

3. Tập đọc

Cô xẻng siêng năng

Cô xẻng làm việc rất siêng năng. Có lần, chị gió hăm hở dọn đỡ cô. Chả ngờ, gió làm rác văng khắp chốn. Chị gió buồn lắm.

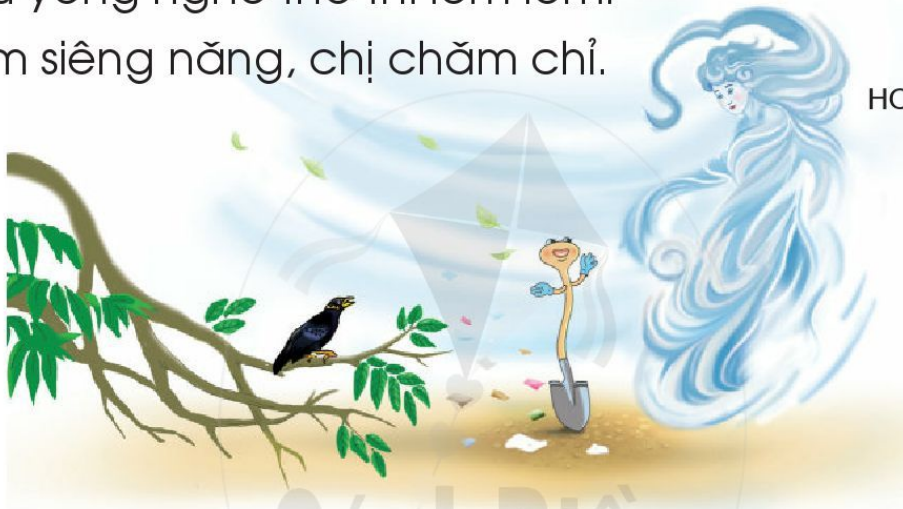
Nhìn chị gió ủ rũ, cô xẻng nhẹ nhàng:

– Chị chớ buồn. Chị luôn giúp nhà nhà mát mẻ mà.

Chú yểng nghe thế thì lem lém:

– Em siêng năng, chị chăm chỉ.

HOÀNG NGUYỄN



? Ghép đúng

a) Cô xẻng

b) Chị gió

c) Chú yểng

1) khen cô xẻng và chị gió.

2) rất siêng năng.

3) giúp nhà nhà mát mẻ.

4. Tập viết

iêng chiêng yểng iêc xiếc



ong oc

1. Làm quen



bóng



sóc

2. Tiếng nào có vần **ong**? Tiếng nào có vần **oc**?



cóc



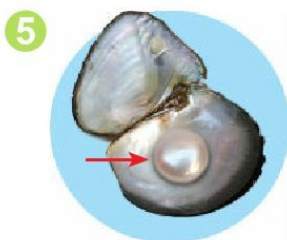
chong chóng



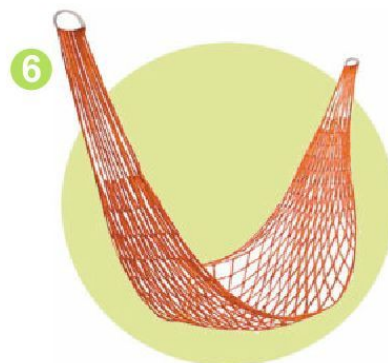
ong



đọc



hạt ngọc



võng

eng ec iêng yêng iêc ong oc

3. Tập đọc

Đi học

Sóc, nhím và thỏ ngọc
Học lớp cô sơn ca
Bác ngựa đón từ nhà
Đưa cả ba đi học.

Vó ngựa va lóc cóc
Xe cú lăn bon bon
Chim chóc liệng vòng tròn
Hát ca vang rộn rã.

Đi học lăm sụ lạ
Cha mẹ vẫn chờ mong
Ba bạn hứa trong lòng
Học tập thật chăm chỉ.

HẢI LÊ

? Nói lại các câu sau cho đủ ý

a) Sóc, nhím và thỏ học lớp...

b) ... đưa cả ba bạn đi học.

c) Ba bạn hứa học tập...

4. Tập viết

ong bóng oc sóc

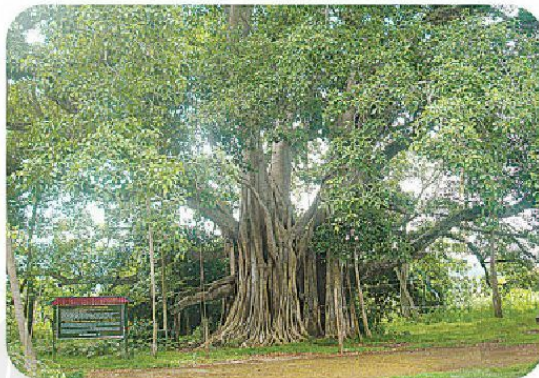


ông ôc

1. Làm quen



dòng sông



gốc đa

2. Tiếng nào có vần ông? Tiếng nào có vần ôc?



thông



cốc



đồng lúa



thợ mộc



ốc



ngỗng

eng ec iêng yêng iêc ong oc ông ôc

3. Tập đọc

Quạ và công

Xưa kia, quạ và công trắng muốt. Một hôm, quạ rủ công làm đẹp.

Quạ trang điểm cho công. Xong, nó nhìn công, gật gù:
– Đẹp quá! Giờ đến lượt tớ.

Chợt có tiếng lộn “eng éc”. Làng bên có cổ. Quạ sốt ruột. Nó dốc hết lọ bột đen đã pha lên thân. Từ đó, quạ đen như than.



Truyện dân gian Việt Nam (An Khuê kể)

? Ghép đúng

a) Bộ lông của công đẹp

1) là do quạ dốc hết lọ bột đen lên thân.

b) Bộ lông của quạ đen

2) là nhờ quạ trang điểm cho.

4. Tập viết

ông dòng sông ôc gốc đa



Bài 86

Cô bé và con gấu

Truyện dân gian Nga

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi



Bố mẹ đi vắng, cô bé ở nhà một mình làm gì?



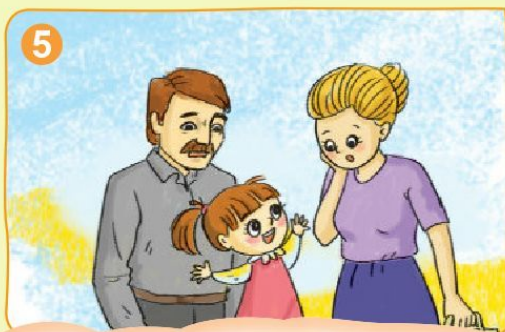
Điều gì bất ngờ xảy ra? Thái độ của cô bé lúc đó ra sao?



Vì sao sau đó cô bé đã sợ?



Cô bé đã làm gì để giúp gấu?



Khi bố mẹ về, nghe cô bé kể lại mọi chuyện, thái độ của họ ra sao?



Gấu đã làm gì để tỏ lòng biết ơn cô bé?



Bài 87

Ôn tập

1. Tập đọc

Con yểng

Ông ở quê ra, tặng Long một con yểng đẹp lắm. lông nó đen biếc, mỏ đỏ, cổ có sọc vàng. Yểng biết hót “Ông ọ!”, khiến Long mê tí.

Long muốn yểng hót: “Long à!”. Chín hôm liền, cứ học xong là Long đến bên lồng yểng, thủ thủ: “Long à!”. Thế là yểng bỗng cất tiếng: “Long à!”.



? Chọn dấu câu (**dấu chấm** hoặc **dấu chấm hỏi**) phù hợp với ô trống:

a) Ông tặng Long một con yểng rất đẹp ☐

b) Long muốn con yểng làm gì ☐

2. Nghe – viết

Lông yểng đen biếc, cổ có sọc vàng.



ung uc

1. Làm quen



sung



cúc

2. Tiếng nào có vần **ung**? Tiếng nào có vần **uc**?



thùng rác



bông súng



cá nục



khóm trúc



xúc đất

ung uc

3. Tập đọc

Gà mẹ, gà con

Sáng sớm, gà mẹ dẫn đàn con ra vườn kiếm ăn. Bất chợt mưa to, gió lớn. Đàn gà con rét run. Gà mẹ liền ôm các con, ấp ủ chúng. Rúc trong lòng mẹ, đàn gà con cùng chiêm chiếp: “Mẹ ấm quá! Ấm quá!”.



? Ghép đúng

a) Đàn gà con

1) liền ôm các con, ấp ủ chúng.

b) Gà mẹ

2) rét run.

4. Tập viết

ung sung uc cúc

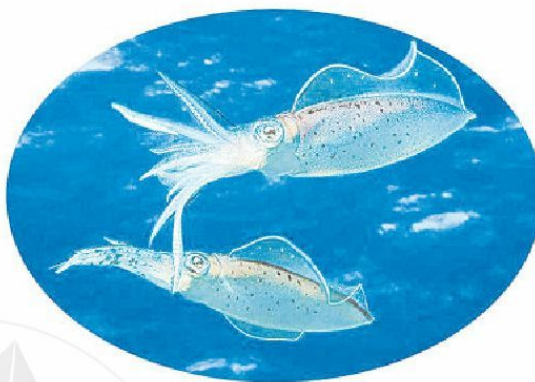


ưng ực

1. Làm quen



lưng



cá mực

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình



1

gùng

chim ưng



3

trúng

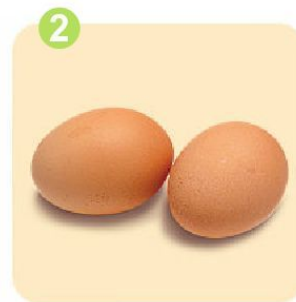
thức đêm



5

rừng

lực sĩ



2



4



6

ung

uc

ưng

ực

3. Tập đọc

Sáng sớm trên biển

Sáng sớm, biển thật là đẹp! Từ phía xa tít tắp, một vầng hồng từ từ nhô lên. Mặt biển ửng hồng. Từng lớp sóng nhấp nhô. Những tia nắng sớm nô đùa trên sóng. Nắng lên dần. Mặt biển sáng rực.



? Nói tiếp để hoàn thành câu

a) Khi vầng hồng nhô lên, mặt biển...

b) Những tia nắng sớm...

4. Tập viết

ửng hồng ực cá mực



uông uộc

1. Làm quen



chuông



đuốc

2. Xếp hoa vào hai nhóm

uông



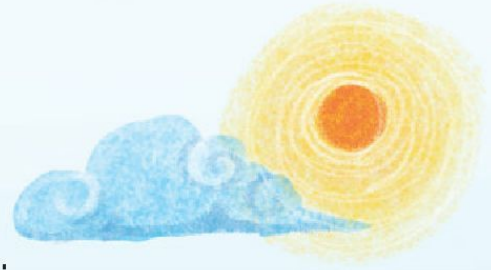
uộc



ung uc ưng ực uông uộc

3. Tập đọc

Con công lẩn thần



Công cho rằng nó đẹp nhất trần gian.

Một hôm, công uốn ngực đến bên hồ. Nó bỗng nhận ra trong hồ có một con công khác.

Nó bèn sà xuống hồ để so sắc đẹp. Nhưng nó vừa xuống, con công kia đã biến mất. Công ngụp lặn tìm. Nó ướm nhẹp, run cầm cập.

Chim cuốc nhìn công, gật gù: “Đẹp mà chẳng khôn!”.

Phỏng theo truyện nước ngoài (Hoàng Nam kể)



? Ý nào đúng?

- a) Con công trong hồ là một con công khác.
- b) Con công trong hồ là bóng của con công trên bờ.

4. Tập viết

uông chuông uộc duộc

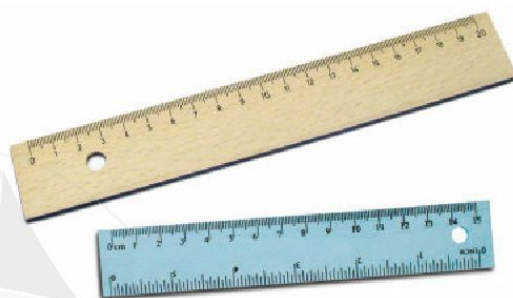


ương ước

1. Làm quen



gương



thước

2. Tiếng nào có vần **ương**? Tiếng nào có vần **ước**?



lược



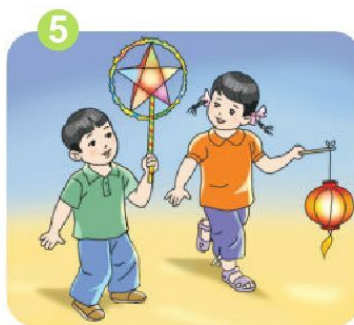
thước đo



giọt sương



giường



rước đèn



sân trường

ung uc ứng ưc uông uộc ương ước

3. Tập đọc

Hạt giống nhỏ

Một hạt giống nhỏ nằm lặng lẽ bên đường. Bé nhặt được, đem về thả xuống góc vườn.

Chỉ ít hôm, mầm non đã vươn lên, uống những giọt sương sớm. Lá non khẽ rung rung. Dường như lá muốn cảm ơn bé.



? Ghép đúng

a) Mầm non

1) khẽ rung rung.

b) Lá non

2) đã vươn lên.

4. Tập viết

ường gương ước thước



Bài 92

Ông lão và sếu nhỏ

LÊ CHÂU

1. Nghe kể chuyện

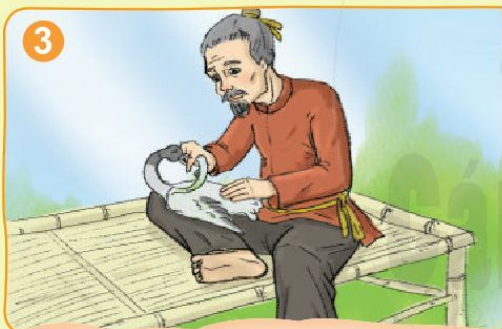
2. Trả lời câu hỏi



Điều gì xảy ra khi ông lão đi vào rừng?



Khi thấy ông lão, mấy con sếu như thế nào?



Ông lão làm gì để giúp sếu nhỏ? Sếu bố, sếu mẹ làm gì?



Khi vết thương của sếu nhỏ đã lành, ông lão làm gì?



Gia đình sếu đã làm gì để cảm ơn ông lão?



Ông lão ước điều gì? Điều gì đã xảy ra?



Bài 93

Ôn tập

1. Tập đọc

Ông bà em

Ông bà em rất thương em. Sáng sáng, ông đưa em đến trường. Hết giờ học, ông đón em về. Khi em về đến nhà, bà pha nước để ông bà và em cùng uống. Em uống nước và kể cho ông bà nghe về các bạn ở trường.



? Ghép đúng

a) Ông

1) kể cho ông bà nghe về các bạn.

b) Bà

2) đưa em đến trường, đón em về.

c) Em

3) pha nước để ông bà và em cùng uống.

2. Tập chép

Sáng sáng, ông đưa em đến trường.

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Luyện tập

1. Đồ em: Mỗi toa tàu dưới đây chở gì?



thuốc



dưa chuột



đường



mướp



trứng



cá ược



Toa 1 (uộc): thuốc. Toa 2: ■ Toa 3: ■ Toa 4: ■ Toa 5: ■

2. Tập đọc

Chú bé trên cung trăng

Những đêm trăng, bà thường chỉ cho Bi ba bóng đen mờ trên Mặt Trăng. Trông chúng giống một gốc đa, một con nghé và một chú bé.

Bà kể: Xưa kia chú bé ở trần gian. Một cơn gió đã cuốn chú cùng gốc đa và nghé lên cung trăng. Trên đó, chú rất buồn vì nhớ nhà. Nhưng mặt đất quá xa. Chú bé không về được nữa.



NGUYỄN HOÀNG

3. Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh**?



■é



■e



■ổng

4. Tập chép

Chú bé trên cung trăng rất nhớ nhà.

Đánh giá

M

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG

Mỗi học sinh đọc một đoạn khoảng 35 – 40 tiếng.

Một trí khôn hơn trăm trí khôn

1 Tỏ vẻ

Chồn và gà rừng là bạn thân nhưng chồn vẫn ngầm xem thường gà. Một hôm, chồn tỏ vẻ:

- Gà à, bạn có trí khôn chú?
- Chỉ có tí ti. - Gà đáp.

Chồn ra vẻ:

- Tôi thì có cả trăm trí khôn cơ.



2 Bất ngờ

Vừa lúc đó, một bác nông dân cầm liềm đi qua.

Chồn và gà cuống cuống bỏ trốn. Chúng nấp trong đám cỏ rậm. Bác nông dân len giữa đám cỏ, đe: “Ta đã nhìn rõ bọn mi. Cứ nằm yên đó nhé!”.



3 Trí khôn của gà

Chồn và gà nghe thế thì ón quá. Gà giục chồn: “Bạn nghĩ kế gì đi!”. Chồn chả nghĩ ra kế gì. Nó nhờ gà nghĩ giúp. Gà thầm thì: “Bạn cứ yên trí làm thế, làm thế...”.



4 Mắc lừa



Bác nông dân tóm được gà trong đám cỏ. Gà giả vờ ủ rũ. Bác ta bỏ gà trên cỏ để vỗ chồn. Gà vù lên đồng rơm, vươn cổ: “Ò ó o o...”. Bác liền bỏ chồn để vỗ gà. Chỉ chờ thế, chồn co giò biến mất.

5 Cảm phục

Chồn về đến nhà, vừa sợ, vừa thẹn, vừa cảm phục gà. Chồn đến tìm gà. Nó ân hận:

– Gà à, tí ti trí khôn của bạn còn hơn cả trăm trí khôn của tớ. Cảm ơn bạn nhé!

Từ hôm đó, chồn tin và quý gà hơn.



Phỏng theo *Truyện đọc 1*, 1994 (Hoàng Sơn kể)

M

II. ĐỌC HIỂU, VIẾT

A

ĐỌC

(Bài luyện tập)

1. Nối từ ngữ với hình



1

bong sen



3

quả mướp

bếp lửa

thiên nga



5

tập võ

gương



2



4



6

2. Đọc thầm

Thần ru ngủ

Đêm đến, khi đám trẻ tụ tập bên bàn thì thần ru ngủ rón rén bước đến. Thần hé cửa, phả một làn gió nhẹ. Thế là bọn trẻ buồn ngủ rũ.



Khi bọn trẻ ngủ, thần che chiếc ô có bức vẽ đẹp cho những đứa trẻ dễ thương. Các bé sẽ có giấc mơ đẹp. Đứa trẻ hư chẳng mơ gì vì chiếc ô che cho chúng không vẽ gì.

Theo AN-ĐÉC-XEN (Hạnh Mai kể)

? Khoanh tròn chữ cái trước ý đúng:

- a) Thần ru ngủ giúp đứa bé dễ thương có giấc mơ đẹp.
- b) Thần làm cho đứa bé hư chẳng ngủ được.

B VIẾT

1. Điền chữ: **c** hoặc **k**



■ iến



■ ìm



■ ông

2. Tập chép

Đứa trẻ dễ thương có giấc mơ đẹp.

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
âm	6, 7, 12, 13, 16, 19, 21, 22, 24, 26, 28, 31, 36, 38, 41, 52, 54, 56, 81, 125, 145	nghe – viết	91, 115, 155
câu	64, 67, 105, 145, 151, 157	ôn tập	21, 31, 41, 51, 61, 71, 91, 92, 105, 115, 125, 135, 145, 155, 165, 166
chữ	7, 13, 41, 49, 51, 55, 64, 92, 95, 145, 166, 169	tập chép	51, 61, 71, 81, 92, 95, 125, 135, 165, 166, 169
chữ hoa	64, 65	tập đọc	15, 17, 19, 21, 23, 27, 29, 31, 33, 35, 37, 39, 41, 43, 45, 47, 49, 51, 53, 55, 57, 59, 61, 63, 64, 67, ...
chữ in	65	tập viết	7, 9, 13, 15, 17, 19, 23, 27, 29, 33, 35, 37, 39, 43, 45, 47, 49, 53, 55, 57, 59, 63, 67, 69, 73, 75, 77, ...
chữ thường	65	thanh	8, 9, 14, 15, 21, 25
chữ viết	65	thanh hỏi	14
dấu câu	155	thanh huyền	8
dấu chấm	155	thanh nặng	15
dấu chấm hỏi	155	thanh ngã	25
đánh vần	6, 8, 66	thanh sắc	9
đoạn	167	tiếng	6, 7, 8, 9, 12 - 19, 21, 22, 24, 25, 26, 28, 31, 32, 34, 36, 38, 41, 42, 44, 46, 48, 52, 54, 56, 58, 66, 68, ...
đọc hiểu	94, 168	tù	21, 31, 143
đọc thầm	95, 169	tù ngữ	62, 67, 94, 105, 107, 118, 122, 158, 168
kể chuyện	2, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 104, 114, 124, 134, 144, 154, 164	vần	66, 68, 71, 72, 74, 78, 81, 82, 84, 86, 88, 92, 96, 98, 102, 106, 112, 120, 125, 126, 128, 130, ...

MỤC LỤC

Chào các em
Kí hiệu dùng trong sách
Bảng chữ cái

Bài	Trang
HỌC VẦN	
Mở đầu	4
1. a – c	6
2. cà – cá	8
3. Kể chuyện <i>Hai con dê</i>	10
4. o – ô	12
5. cỏ – cọ	14
6. ơ – d	16
7. đ – e	18
8. Kể chuyện <i>Chồn con đi học</i>	20
9. Ôn tập	21
10. ê – i	22
11. b – bẽ	24
12. g – h	26
13. i – ia	28
14. Kể chuyện <i>Hai chú gà con</i>	30
15. Ôn tập	31
16. gh	32
17. gi – k	34
18. kh – m	36
19. n – nh	38
20. Kể chuyện <i>Đôi bạn</i>	40
21. Ôn tập	41
22. ng – ngh	42

Bài	Trang
23. p – ph	44
24. qu – r	46
25. s – x	48
26. Kể chuyện <i>Kiến và bọ câu</i>	50
27. Ôn tập	51
28. t – th	52
29. tr – ch	54
30. u – ư	56
31. ua – ưa	58
32. Kể chuyện <i>Dê con nghe lời mẹ</i>	60
33. Ôn tập	61
34. v – y	62
35. Chữ hoa	64
36. am – ap	66
37. ăm – ập	68
38. Kể chuyện <i>Chú thỏ thông minh</i>	70
39. Ôn tập	71
40. âm – âp	72
41. em – ep	74
42. êm – êp	76
43. im – ip	78
44. Kể chuyện <i>Ba chú lợn con</i>	80
45. Ôn tập	81
46. iêm – yêm – iêp	82

Bài	Trang	Bài	Trang
47. om – op	84	71. ơn – ơt	128
48. ôm – ôp	86	72. un – ut – ưt	130
49. ơm – ơp	88	73. uôn – uôt	132
50. Kể chuyện <i>Vịt và sơn ca</i>	90	74. Kể chuyện <i>Thần gió và Mặt Trời</i>	134
51. Ôn tập	91	75. Ôn tập	135
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I	92	76. ươn – ươt	136
52. um – up	96	77. ang – ac	138
53. uôm	98	78. ăng – ắc	140
54. ươm – ươp	100	79. âng – âc	142
55. an – at	102	80. Kể chuyện <i>Hàng xóm</i>	144
56. Kể chuyện <i>Sói và sóc</i>	104	81. Ôn tập	145
57. Ôn tập	105	82. eng – ec	146
58. ăn – ắt	106	83. iêng – yêng – iêc	148
59. ăn – ắt	108	84. ong – oc	150
60. en – et	110	85. ông – ôc	152
61. ên – êt	112	86. Kể chuyện <i>Cô bé và con gấu</i>	154
62. Kể chuyện <i>Sư tử và chuột nhắt</i>	114	87. Ôn tập	155
63. Ôn tập	115	88. ung – uc	156
64. in – it	116	89. ưng – ưc	158
65. iên – iêt	118	90. uông – uôc	160
66. yên – yêt	120	91. ương – ươc	162
67. on – ot	122	92. Kể chuyện <i>Ông lão và sếu nhỏ</i>	164
68. Kể chuyện <i>Mây đen và mây trắng</i>	124	93. Ôn tập	165
69. Ôn tập	125	ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I	166
70. ôn – ôt	126	BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ	170

TIẾNG VIỆT 1, tập một

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Giám đốc - Tổng biên tập:

TRẦN CHÍ ĐẠT

Chịu trách nhiệm nội dung:

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

Giám đốc - Tổng biên tập:

LÊ THANH HÀ

Biên tập viên NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh:

NGUYỄN PHƯỚC BẢO KHÔI – NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ

HOÀNG THUYẾT DUNG

Biên tập viên sách điện tử NXB Thông tin và Truyền thông:

NGUYỄN TIẾN PHÁT – PHẠM THỊ THANH

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Thiết kế sách và minh họa:

LƯƠNG QUỐC HIỆP

Tổ chức bàn thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc,

P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà 115 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 024.35772139/ Fax: 024.35579858

Email: nxb.tttt@mic.gov.vn

Website: <http://www.nxbthongtintruyenthong.vn>

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2109 - 2021/CXBIPH/26 - 80/TTTT

Quyết định xuất bản số: 80/QĐ - NXB TTTT ngày 03 tháng 8 năm 2021

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-80-5610-0

Nộp lưu chiếu quý III năm 2021.

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Tiếng Việt 1* được biên soạn theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Sách dạy học sinh học đọc, học viết và phát triển các kỹ năng nghe, nói tiếng Việt; đồng thời dạy học sinh cách đọc hiểu các sáng tác văn học, văn bản thông tin phù hợp với lứa tuổi.

Nội dung và hình thức trình bày các bài học trong sách hấp dẫn, khơi gợi trí tò mò khoa học, phát huy tính tích cực, khả năng tự học, tự vận dụng những điều đã học vào cuộc sống và bồi dưỡng tình cảm, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Tổng Chủ biên cuốn sách là GS.TS Nguyễn Minh Thuyết. Tác giả là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong giáo dục tiểu học.

SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ:

1. Dùng điện thoại quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập vào trang web: <https://canhdiem.monkey.edu.vn>
2. Vào mục hướng dẫn (canhdiem.monkey.edu.vn/huong-dan) để xem hướng dẫn kiểm tra sách giả và kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

ISBN: 978-604-309-214-1



9 786043 092141